

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Sinh viên: Hoàng Thị Quỳnh Hoa

Giảng viên hướng dẫn: ThS.Cao Thị Thu

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHO
VAY HỘ SẢN XUẤT TẠI NGÂN HÀNG NHNo&PTNT VIỆT
NAM – CHI NHÁNH HUYỆN TIÊN LÃNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

Sinh viên : Hoàng Thị Quỳnh Hoa

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Cao Thị Thu

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Quỳnh Hoa Mã SV: 1112404043

Lớp: QT1501T Ngành: Tài chính – Ngân hàng

Tên đề tài: Một số giải pháp nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tiên Lãng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....
.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 7 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

Phân mở đầu	1
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN, KHÁI NIỆM VÀ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TRONG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	3
1.1. Tín dụng hộ sản xuất của các NHTM	3
<i>1.1.1. Khái niệm chung về hộ sản xuất</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2. Đặc điểm của hộ sản xuất tại Việt Nam.....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.3. Vai trò của hộ sản xuất tại Việt Nam.....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.3.1. Vai trò của hộ sản xuất đối với nền kinh tế đất nước</i>	<i>4</i>
<i>1.1.3.2. Vai trò của hộ sản xuất đối với ngành Ngân hàng</i>	<i>4</i>
<i>1.1.4. Phân loại hộ sản xuất</i>	<i>4</i>
1.2. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng cho vay hộ sản xuất	5
<i>1.2.1. Khái niệm về chất lượng cho vay hộ sản xuất.....</i>	<i>5</i>
<i>1.2.2. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng cho vay hộ sản xuất.....</i>	<i>5</i>
<i>1.2.2.1. Nhóm chỉ tiêu định lượng.....</i>	<i>5</i>
<i>1.2.2.2. Nhóm chỉ tiêu định tính.....</i>	<i>7</i>
<i>1.2.3. Vai trò của tín dụng hộ sản xuất.....</i>	<i>8</i>
<i>1.2.3.1. Vai trò của tín dụng hộ sản xuất với bản thân khu vực kinh tế hộ</i>	<i>8</i>
<i>1.2.3.2. Vai trò của tín dụng hộ sản xuất đối với các NHTM.....</i>	<i>9</i>
<i>1.2.3.3. Vai trò của hộ sản xuất đối với nền kinh tế</i>	<i>10</i>
<i>1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng cho vay hộ sản xuất.....</i>	<i>10</i>
<i>1.2.4.1. Các nhân tố khách quan</i>	<i>10</i>
<i>1.2.4.2. Nhân tố chủ quan</i>	<i>12</i>
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHO VAY ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN TIÊN LÃNG	13
2.1. Khái quát tình hình sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất trên địa bàn huyện Tiên Lãng.....	13
<i>2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của huyện Tiên Lãng</i>	<i>13</i>
<i>2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên</i>	<i>13</i>
<i>2.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội</i>	<i>13</i>

2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn cho hoạt động của Ngân hàng	14
2.1.2.1. Thuận lợi	14
2.1.2.2. Khó khăn	14
2.1.3. Đặc điểm về kinh tế hộ sản xuất của huyện	15
2.2. Khái quát về hoạt động của Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng	16
2.2.1. Sự ra đời và bộ máy tổ chức hoạt động	16
2.2.1.1. Sự ra đời của Chi nhánh Agribank huyện Tiên Lãng	16
2.2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động	16
2.2.2. Khái quát về tình hình hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng	17
2.2.2.1. Tình hình cho vay của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng	21
2.2.2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.	25
2.2.2.3. Công tác thu hồi nợ.....	25
2.2.2.4. Công tác thu hồi nợ	25
2.3. Phân tích thực trạng chất lượng cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng	26
2.3.1. Quy trình và hồ sơ cho vay hộ sản xuất	26
2.3.1.1. Quy trình cho vay	26
2.3.1.2. Hồ sơ cho vay.....	28
2.3.2. Các hình thức cho vay	29
2.3.2.1. Hình thức cho vay	29
2.3.2.2. Phương thức cho vay	29
2.3.3. Cách thức phân loại nợ	30
2.3.4. Thực trạng cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng	31
2.3.4.1. Doanh số cho vay hộ sản xuất	31
2.3.4.2. Dư nợ cho vay hộ sản xuất.....	36
2.3.4.3. Số hộ sản xuất có dư nợ tại Agribank Tiên Lãng.	41
2.3.5. Chất lượng cho vay hộ sản xuất	44
2.3.5.1. Dư nợ quá hạn cho vay hộ sản xuất.....	44
2.3.5.2. Vòng quay vốn tín dụng	52
2.3.5.3. Hiệu suất sử dụng vốn.....	52
2.3.5.4. Xử lý nợ quá hạn cho vay hộ sản xuất	53

2.4.Đánh giá	54
2.4.1. Những mặt đạt được	54
2.4.2. Những mặt tồn tại	54
2.4.3. Nguyên nhân của những mặt tồn tại	54
Những hạn chế tồn tại tại NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan:.....	54
CHƯƠNG 3, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHO VAY ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TẠI CN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN TIÊN LÃNG	56
3.1.Định hướng cho vay hộ sản xuất của Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng giai đoạn 2015-2020,	56
3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế huyện Tiên Lãng	56
3.1.2. Định hướng cho vay hộ sản xuất	57
3.2.Một số giải pháp nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng.	58
3.2.1. Nhóm giải pháp	58
3.2.1.1.Nâng cao đạo đức nghề nghiệp và trình độ cán bộ tín dụng	58
3.2.1.3.Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát	60
3.2.1.4.Giữ vững mối quan hệ với chính quyền, đoàn thể địa phương,	61
3.2.1.5.Tăng cường huy động vốn	62
3.2.1.6.Những giải pháp khác	62
3.2.2. Đánh giá sự khả thi của các giải pháp khi áp dụng tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng	63
3.3.Kiến nghị cá nhân	63
3.3.1. Đối với NHNo & PTNT Việt Nam	63
3.3.2. Đối với hội sở	63
3.3.3. Đối với Chi nhánh Agribank Tiên Lãng	64
3.3.4. Đối với cơ quan Chính quyền các cấp	64
TÀI LIỆU THAM KHẢO	66
Tổng hợp danh sách bảng biểu sử dụng trong khóa luận.....	67
Danh mục từ viết tắt	69

Phần mở đầu

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tiên Lãng là một huyện phía Nam thành phố Hải Phòng, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ, chậm phát triển. Do đó, việc đầu tư vốn cho hộ nông dân có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển Kinh tế - Xã hội của huyện.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động của Ngân hàng cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, quan hệ tín dụng với nông dân ngày càng bộc lộ nhiều vướng mắc. Việc nâng cao chất lượng cho vay không phải lúc nào cũng thuận lợi, dễ dàng. Các thủ tục quy trình cho vay đòi hỏi sự cải tiến liên tục, vừa đảm bảo tiện ích cho dân đồng thời đảm bảo an toàn cho Ngân hàng.

Vì vậy, đề tài “Một số giải pháp nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tiên Lãng” là đề tài có tính thiết thực.

2. Mục đích nghiên cứu

- Làm rõ các vấn đề lý luận chung về hộ sản xuất, hoạt động cho vay đối với hộ sản xuất, chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất.
- Nghiên cứu và phân tích thực trạng hoạt động cho vay đối với hộ sản xuất tại Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Khái niệm, đặc điểm hộ sản xuất và hoạt động cho vay cấp tín dụng đối với hộ sản xuất tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiên Lãng. Trên cơ sở đó đánh giá chất lượng hoạt động cho vay đối với hộ sản xuất tại CN NHNo và PTNT huyện Tiên Lãng
- Phạm vi nghiên cứu: Hoạt động cấp tín dụng đối với hộ sản xuất tại chi nhánh NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiên Lãng
- Số liệu: các số liệu, tài liệu phục vụ nghiên cứu từ năm 2012 đến 2015

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê, so sánh
- Phương pháp tổng hợp

- Phương pháp phân tích: Phân tích xu hướng, phân tích tỷ suất
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 phần:

Chương 1: Cơ sở lý luận về cho vay đối với hộ sản xuất và giải pháp nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất trong các Ngân hàng thương mại

Chương 2: Phân tích thực trạng cho vay đối với hộ sản xuất tại Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng cho vay đối với hộ sản xuất tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiên Lãng.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN, KHÁI NIỆM VÀ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TRONG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Tín dụng hộ sản xuất của các NHTM

1.1.1. Khái niệm chung về hộ sản xuất

Trên thực tế khái niệm về hộ sản xuất vẫn chưa cụ thể, hầu hết đều mặc nhiên và thừa nhận rằng "hộ sản xuất" là "hộ gia đình" là "kinh tế hộ". Mỗi một khu vực kinh tế có khái niệm hộ sản xuất khác nhau và ở Việt Nam hộ sản xuất được định nghĩa như sau:

Hộ sản xuất ở Việt Nam hiện nay thường là hộ gia đình, mà các thành viên có tài sản chung, đồng sở hữu tài sản, cùng chịu trách nhiệm, cùng sản xuất kinh doanh trên cơ sở tự nguyện, tự giác và chủ yếu sử dụng chính sức lao động của gia đình mình.

1.1.2. Đặc điểm của hộ sản xuất tại Việt Nam.

Ở Việt Nam hộ sản xuất có một số đặc điểm chính như sau:

- Về trình độ sản xuất

Trình độ sản xuất của các hộ hầu hết còn nhiều yếu kém trên nhiều mặt như: trình độ hiểu biết, kỹ năng sản xuất, trình độ tổ chức quản lý kinh doanh, hạch toán.... Việc phân công lao động dựa trên cơ sở tình cảm, bôn phận, phong tục tập quán địa phương, dân tộc, dòng họ và thường gắn liền với ngành nghề truyền thống của quê hương.

- Về địa điểm sản xuất

Đối với các hộ sản xuất ở Việt Nam thì địa điểm sản xuất - kinh doanh thường phân tán trên địa bàn rộng, quy mô sản xuất thường nhỏ cho nên không có được sự gắn kết. Điều đó rất khó khăn cho việc hình thành các khu vực chuyên canh sản xuất các nông sản thực phẩm có tính hàng hoá cao, đồng thời cản trở việc áp dụng các KHKT mới...

- Về đặc thù sản xuất

Hộ sản xuất Việt Nam hiện nay chủ yếu là hộ thuần nông. Sản xuất không ổn định, khả năng luân chuyển vốn chậm, rủi ro cao xảy ra cao, hiệu quả kinh tế thấp, hoạt động sản xuất mang tính thời vụ, phụ thuộc vào chu kỳ sinh trưởng của từng loại cây, vật nuôi theo từng điều kiện tự nhiên của từng vùng lãnh thổ.

- Về tài chính của hộ sản xuất

Hộ sản xuất thường nghèo, khả năng tài chính yếu, tài sản thế chấp không có giá trị hoặc thiếu giấy tờ pháp lý, tính thanh khoản lại không cao, tài sản thường không làm giấy tờ sở hữu mà chuyển dịch theo phong tục, tập quán tại địa phương, có rất ít ngành nghề có đăng ký kinh doanh....Việc đáp ứng các điều kiện vay vốn như thông lệ trong tín dụng hộ sản xuất là rất khó.

- Về quy mô hộ sản xuất

Hộ sản xuất thường là một hộ gia đình - một thành viên của xã hội, chỗ ở thường ít thay đổi, vì vậy hộ sản xuất mang trên mình nhiều chức năng, vai trò mà các thành phần khác không có.

1.1.3.Vai trò của hộ sản xuất tại Việt Nam.

1.1.3.1. Vai trò của hộ sản xuất đối với nền kinh tế đất nước

Ở Việt Nam hiện nay, dân số trong nông nghiệp, nông thôn chiếm gần 80% dân số cả nước. Vì vậy kinh tế hộ sản xuất có vai trò như sau:

- Phản ánh bộ mặt của nông nghiệp, nông thôn, thành phần kinh tế đông đảo nhất của nền kinh tế nước nhà.

- Khả năng khai thác sử dụng mọi tiềm năng về đất đai, lao động để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

- Đảm bảo an toàn lương thực, thực phẩm, tạo thêm công ăn việc làm, góp phần giữ gìn trật tự xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia.

1.1.1.2. Vai trò của hộ sản xuất đối với ngành Ngân hàng

Hộ sản xuất nông nghiệp, nông thôn là thị trường chiến lược quan trọng của NHNo & PTNT Việt Nam kể từ ngày thành lập đến nay. Thị trường nông thôn là thị trường chủ yếu và truyền thống. Trên địa bàn các huyện ngoại thành, mật độ Ngân hàng không nhiều, cho nên ít bị ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh. Có thể nói rằng đây là đối tượng khách hàng mà NHNo & PTNT Việt Nam đã giữ vững, ổn định và ngày càng cố gắng nâng cao chất lượng. Thị trường nông nghiệp, nông thôn đến nay là một mảnh đất màu mỡ và đầy tiềm năng trong tương lai của NHNo & PTNT Việt Nam.

1.1.4.Phân loại hộ sản xuất

Có rất nhiều tiêu chí phân loại hộ sản xuất, dựa vào ngành nghề ở Việt Nam hộ sản xuất được phân loại như sau:

- Hộ sản xuất nông, lâm, thủy sản:

+ Hộ trồng trọt,

+ Hộ chăn nuôi,

+ Nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ, nước mặn.

+ Đánh bắt thủy hải sản.

- Hộ sản xuất diêm nghiệp: Ngoài các tổ chức quốc doanh còn tồn tại, thì có các hộ gia đình ở vùng ven biển cũng được giao diện tích đất để làm muối.

- Hộ lâm nghiệp: Các hộ gia đình được giao đất trồng rừng, khai thác, chế biến sản phẩm từ rừng.

- Hộ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Hộ làm dịch vụ và thương mại dịch vụ.

1.2. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng cho vay hộ sản xuất

1.2.1. Khái niệm về chất lượng cho vay hộ sản xuất

Cho vay hộ sản xuất của NHTM là quan hệ tín dụng giữa các NHTM đối với hộ sản xuất.

Như vậy, khái niệm về cho vay hộ sản xuất của NHTM cũng hoàn toàn nhất quán với khái niệm của tín dụng NHTM, chỉ khác ở đối tượng quan hệ được giới hạn chỉ có thành phần hộ sản xuất.

Các nhà kinh tế đã nhận xét rằng: "Chất lượng phù hợp với mục đích của người sản xuất và người sử dụng về một loại hàng hoá nào đó" hay "Chất lượng chính là sản phẩm hoặc dịch vụ đó thoả mãn nhu cầu khách hàng" [3, Trang 12]

Như vậy ta có thể hiểu chất lượng tín dụng hộ sản xuất thể hiện việc cho vay đối với hộ sản xuất và việc thu hồi cả gốc và lãi đúng thời hạn, được biểu hiện cụ thể như sau:

- Đối với khách hàng: Tín dụng Ngân hàng đưa ra phải phù hợp với yêu cầu của khách hàng về lãi suất (giá cả sản phẩm), kỳ hạn, phương thức thanh toán, hình thức thanh toán, thủ tục đơn giản thuận tiện nhưng luôn đảm bảo nguyên tắc tín dụng.

- Đối với Ngân hàng: Ngân hàng đưa ra các hình thức cho vay phù hợp với phạm vi mức độ, giới hạn phù hợp với bản thân Ngân hàng để luôn đảm bảo tính cạnh tranh, an toàn, sinh lời theo nguyên tắc trả đầy đủ và có lợi nhuận.

1.2.2. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng cho vay hộ sản xuất

1.2.2.1. Nhóm chỉ tiêu định lượng

Chỉ tiêu định lượng là chỉ tiêu được tính toán cụ thể bằng những con số chính xác tương đối bao gồm:

- Doanh số cho vay bình quân 1 khách hàng

$$\text{Doanh số cho vay bình quân 1 khách hàng} = \frac{\text{Doanh số cho vay}}{\text{Tổng khách hàng}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền vay mỗi lượt của mỗi khách hàng, số tiền càng cao chứng tỏ mức tăng trưởng tín dụng càng nhanh, thể hiện mức sản xuất cũng như quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng.[2, Trang 1]

- Vòng quay vốn tín dụng

$$\text{Vòng quay vốn tín dụng} = \frac{\text{Doanh số thu nợ}}{\text{Dư nợ bình quân 1 khách hàng}}$$

Đây là một chỉ tiêu quan trọng đánh giá chất lượng hoạt động tín dụng. Vòng quay càng lớn với số dư nợ luôn tăng chứng tỏ đồng vốn Ngân hàng bỏ ra đã được sử dụng một cách có hiệu quả. Tuy nhiên nếu số vòng quay tăng quá nhanh có thể là do biểu hiện của sự giảm số dư nợ trong kỳ, điều này là không tốt vì giảm dư nợ dễ dẫn đến tình trạng ứ đọng vốn.[2, Trang 1]

- Tỷ trọng vốn vay trung, dài hạn

$$\text{Tỷ trọng vốn vay trung dài hạn} = \frac{\text{Dư nợ trung, dài hạn hộ sản xuất}}{\text{Tng dư nợ}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mức độ đáp ứng nhu cầu vốn trung, dài hạn của khách hàng để mở rộng sản xuất kinh doanh cũng như việc cơ cấu nguồn vốn ngắn hạn phục vụ cho vay trung và dài hạn của ngân hàng ảnh hưởng tới mức độ rủi ro và khả năng tự phòng ngừa của Ngân hàng. Theo đánh giá tỷ trọng này chiếm 30% là hợp lý, tuy vậy nó có thể cao hoặc thấp tùy thuộc vào nhu cầu vốn tại địa phương cũng như tín dụng của từng Ngân hàng. Nếu vượt quá tỷ trọng cho phép mà không huy động được nguồn vốn tương ứng sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Ngân hàng.[2, Trang 2]

- Hiệu suất sử dụng vốn

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn} = \frac{\text{D nợ cho vay}}{\text{Nguồn vốn huy động}} \times 100\%$$

Các Ngân hàng thương mại huy động vốn để cho vay, do đó cần phải xem xét hiệu quả sử dụng vốn của Ngân hàng thông qua mối quan hệ giữa nguồn vốn huy động và nguồn vốn cho vay, với mỗi đồng tiền gửi vào các ngân hàng sau khi giữ lại một tỷ lệ nhất định dưới dạng tiền dự trữ thì phải cố gắng cho vay càng nhiều càng tốt. Như vậy Ngân hàng được coi là kinh doanh có hiệu quả khi hiệu suất sử dụng vốn lớn, hợp lý, an toàn.[2, Trang 2]

- Tỷ lệ thu nợ

$$\text{Tỷ lệ thu nợ} = \frac{\text{Doanh số thu nợ}}{\text{Doanh số cho vay}} \times 100\%$$

Đây là một trong những chỉ tiêu phản ánh chất lượng tín dụng Ngân hàng: Doanh số cho vay cao, kết hợp với tỷ lệ thu nợ hợp lý chứng tỏ sự hoạt động có hiệu quả của TDNH. Tuy nhiên, doanh số cho vay ra cao mà không thu được nợ thì Ngân hàng rất dễ gặp rủi ro do có nợ xấu tồn đọng.[2, Trang 3]

- Tỷ lệ nợ xấu

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Số dư nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ cho vay}} \times 100\%$$

Đây là chỉ tiêu quan trọng nhất để đánh giá chất lượng tín dụng: Chỉ số này càng cao thì chất lượng tín dụng ngày càng giảm và ngược lại. Vì vậy chỉ số này càng thấp càng tốt, nó chứng tỏ hoạt động TDNH đối với hộ sản xuất có hiệu quả cao. Hoạt động TDNH chứa đựng rất nhiều rủi ro ảnh hưởng đến sự an toàn trong kinh doanh của Ngân hàng. Do vậy việc đảm bảo thu hồi đủ vốn đúng thời hạn thể hiện qua tỷ lệ nợ xấu thấp là vấn đề quan trọng trong quản lý, liên quan đến sự sống còn của Ngân hàng. Việc phân tích tình hình nợ xấu luôn được tiến hành thường xuyên và kết quả thu được là thông tin giúp cho Ngân hàng có kế hoạch kinh doanh thích hợp cho những giai đoạn tiếp theo.[2, Trang 3]

- Tỷ lệ nợ khó đòi

$$\text{Tỷ lệ nợ khó đòi} = \frac{\text{Nợ khó đòi chưa thu được}}{\text{Tổng nợ khó đòi}} \times 100\%$$

Tỷ lệ này ở mức cao là dấu hiệu cho thấy nguy cơ mất vốn cao, dẫn đến rủi ro cho Ngân hàng.[2, Trang 3]

1.2.2.2. Nhóm chỉ tiêu định tính

- Quy trình cho vay

Quy trình cho vay là một trong những yếu tố quan trọng đối với hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Mỗi một Ngân hàng cần xem xét xây dựng cho mình một quy trình cho vay phù hợp với điều kiện thực tế. Quy trình cho vay càng gọn nhẹ, đơn giản, dễ thỏa hiệp, ít phiền toái sẽ thu hút được khách hàng.

- Điều kiện xét duyệt cho vay

Đây là một trong những bước quan trọng trước khi ký hợp đồng cho vay. Thông thường thì cán bộ tín dụng phải xem xét về năng lực pháp lý của khách

hàng. Xét duyệt nhu cầu vay vốn với mục đích ra sao? Hiệu quả phương án sản xuất và khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Điều kiện xét duyệt linh hoạt sẽ mở rộng đối tượng khách hàng và chất lượng món vay.

- **Chất lượng đội ngũ nhân viên Ngân hàng**

Trong hoạt động tín dụng thì cán bộ tín dụng là chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng. Họ là cầu nối giữa khách hàng với Ngân hàng. Một Ngân hàng có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, nhiệt tình, chuyên môn giỏi luôn tạo được lòng tin với khách hàng và hạn chế được rủi ro cho Ngân hàng.

- **Cơ sở trang thiết bị phục vụ cho hoạt động tín dụng**

Cơ sở vật chất của Ngân hàng là một trong những yếu tố khẳng định sự lớn mạnh, sức cạnh tranh của Ngân hàng. Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động tín dụng hiện đại sẽ giúp Ngân hàng giảm thiểu rủi ro đồng thời thúc đẩy hoạt động tín dụng một cách mau lẹ. Như vậy sẽ mở rộng được quy mô cho vay góp phần nâng cao chất lượng tín dụng trong Ngân hàng.

1.2.3. Vai trò của tín dụng hộ sản xuất

1.2.3.1. Vai trò của tín dụng hộ sản xuất với bản thân khu vực kinh tế hộ

- **Hình thành thị trường tài chính**

Tín dụng hộ sản xuất góp phần hình thành thị trường tài chính tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn cơ bản cho sản xuất, chế biến, lưu thông hàng hoá của hộ sản xuất cụ thể:

- Thúc đẩy việc tích tụ tập trung các điều kiện sản xuất, trước hết là khuyến khích chuyển đổi lô, thửa giữa các hộ sản xuất, tạo điều kiện sản xuất tập trung, chuyên môn hoá và áp dụng các thành tựu KHKT tiên tiến.

- Là cầu nối giữa hộ thừa và thiếu vốn, thúc đẩy hạch toán, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Hỗ trợ kịp thời vốn cho các hộ sản xuất, lưu thông hàng hoá trên địa bàn nông thôn.

- **Chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Tín dụng hộ sản xuất có thể tham gia vào tất cả các khâu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ngân hàng cho các hộ sản xuất vay vốn để trang bị máy móc công cụ, đổi mới giống cây trồng vật nuôi với mục đích mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Đồng thời cho vay

để luân chuyển vật tư, tiêu thụ sản phẩm, từ đó tạo sự cân đối hợp lý trong sản xuất nông nghiệp nông thôn.

Tín dụng hộ sản xuất góp phần cải tạo cơ sở hạ tầng nông thôn, các cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm, tạo tiền đề cho kinh tế hộ phát triển.

Tạo điều kiện nâng cao trình độ dân trí, chuyển giao công nghệ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

- Nâng cao trình độ sản xuất, tăng cường hạch toán kinh tế

Cho vay hộ sản xuất giúp các hộ nâng cao trình độ sản xuất, tăng cường hạch toán kinh tế. Các hộ sản xuất khi vay tiền Ngân hàng, buộc phải tính toán thu, chi và tìm cách bán được sản phẩm của mình để có tiền trả nợ Ngân hàng đúng hạn. Điều đó thúc đẩy việc hạch toán kinh tế, khai thác cao nhất các điều kiện sản xuất, tìm và chọn ra phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, với chi phí thấp nhất. Tín dụng Ngân hàng đã thúc đẩy các hộ sản xuất chuyển từ sản xuất từ tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường.

- Giảm thiểu tệ nạn kinh tế

Tín dụng hộ sản xuất góp phần giảm tệ nạn cho vay nặng lãi, bán sản phẩm chưa đến thời điểm thu hoạch ở nông thôn. Nếu làm tốt công tác tín dụng hộ sản xuất thì nguồn vốn Ngân hàng sẽ kịp thời giúp các hộ sản xuất bổ sung các chi phí vượt ngoài khả năng tài chính của mình, có đủ thời gian để chọn thời điểm tiêu thụ sản phẩm có lợi hơn. Ngoài ra tín dụng hộ sản xuất sẽ góp phần tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập và đẩy lùi các tệ nạn xã hội ở nông thôn.

Tín dụng hộ sản xuất góp phần hạn chế và dần dần xoá bỏ nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn. Một trong những đặc điểm quan trọng của sản xuất nông nghiệp là mang tính thời vụ cao nên tại thời điểm chưa thu hoạch được nông phẩm, chưa có hàng hoá để bán, người nông dân thường ở trong tình trạng thiếu thu nhập để đáp ứng nhu cầu chi tiêu tối thiểu, đây là điều kiện để nạn cho vay nặng lãi hoành hành. Tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn đã tồn tại từ lâu và có tác động rất lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Với mức lãi suất quá cao, nó là nguyên nhân gây ra những tiêu cực ở nông thôn.

1.2.3.2. Vai trò của tín dụng hộ sản xuất đối với các NHTM

Trải qua hơn 15 năm chuyển dịch cơ cấu kinh tế tập trung sang cơ chế thị trường, các NHTM Việt Nam đã có những thay đổi nhanh chóng và tích cực. Tuy nhiên sự chuyển mình đó vẫn đang trong quá trình chuyển biến, các sản

phẩm dịch vụ Ngân hàng còn quá đơn điệu, nguồn thu từ tín dụng vẫn còn chiếm 70 - 80% nguồn thu của NHTM. Đặc biệt, dư nợ hộ sản xuất của NHNo & PTNT Việt Nam chiếm gần 70% tổng dư nợ nên có thể nói rằng tín dụng hộ sản xuất đã tạo ra nguồn thu chủ yếu và lớn nhất cho hệ thống NHNo & PTNT Việt Nam.

Tín dụng hộ sản xuất là một thị trường lớn tiêu thụ các nguồn vốn nhàn rỗi mà các NHTM đã và đang huy động được. Điều đó góp phần thực hiện chủ trương của Đảng và Chính Phủ về việc khai thác triệt để các nguồn nội lực tiếp tục đẩy nhanh công cuộc xây dựng đất nước trên mặt trận kinh tế.

Thông qua các chính sách cho vay để sản xuất, các NHTM đang dần dần nhận được sự tín nhiệm của khách hàng đặc biệt là hộ sản xuất.

1.2.3.3. Vai trò của hộ sản xuất đối với nền kinh tế

TDNH giúp các hộ sản xuất phát huy được tính tự chủ, năng động sáng tạo. Điều đó xuất phát từ đặc trưng của tín dụng là tính thời hạn và tính hoàn trả. Vì vậy trong quá trình sản xuất đòi hỏi hộ sản xuất phải không ngừng đổi mới, áp dụng những thành tựu KH-KT trong lĩnh vực nông nghiệp để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, tạo ra nguồn thu để trả nợ. Hộ sản xuất vay vốn phải chủ động sử dụng vốn có hiệu quả. Từ đó tạo ra sự phát triển vững chắc trong kinh tế nông thôn, giúp người nông dân nâng cao trình độ dân trí, kiến thức KH-KT và kinh doanh góp phần đưa nông nghiệp và nông thôn phát triển theo hướng CNH-HĐH.

Như vậy, TDNH có vai trò quan trọng không chỉ đối với việc phát triển kinh tế hộ sản xuất mà còn đối với cả sự phát triển của nền kinh tế. Nó đẩy nhanh quá trình phát triển của khu vực kinh tế nông thôn, làm tăng giá trị sản xuất mà khu vực này mang lại. Hoạt động của Ngân hàng góp phần đáng kể vào việc thực hiện đường lối chính sách mà Đảng và Nhà nước ta đề ra: “Công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, từng bước đưa nông thôn phát triển không ngừng về mọi mặt, dần dần xoá đi ranh giới về kinh tế giữa thành thị và nông thôn.”

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng cho vay hộ sản xuất

1.2.4.1. Các nhân tố khách quan

- Môi trường kinh tế

Mức độ phù hợp giữa lãi suất Ngân hàng với tỷ suất lợi nhuận của hộ sản xuất trong nền kinh tế quốc dân cũng ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng. Nếu

mức lãi suất cao hơn mức lợi nhuận của hộ sản xuất thì hộ sản xuất sẽ khó có khả năng trả nợ Ngân hàng.

Xét trên phương diện tổng thể, nền kinh tế ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng. Cụ thể nó làm cho quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, cá nhân tiến hành và phát triển một cách bình thường, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố lạm phát, khủng hoảng làm cho việc vay và trả nợ không bị biến động. Trong trường hợp này tín dụng phụ thuộc vào khả năng quản lý của chính bản thân các Ngân hàng.

- Môi trường xã hội

Chất lượng tín dụng còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố như đạo đức xã hội, trình độ dân trí. Sự biến động của tình hình kinh tế xã hội nước ngoài. Ngoài ra, chất lượng tín dụng còn phụ thuộc vào các yếu tố môi trường như thời tiết, dịch bệnh, bão lụt... Đối với hộ sản xuất thì các điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy nó cũng ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất. Nếu Ngân hàng hoạt động trên một địa bàn kinh tế phát triển, điều kiện tự nhiên thuận lợi, ít bị ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt, tình hình chính trị xã hội ổn định thì đây là điều kiện để đem lại chất lượng tín dụng tốt. Ngược lại, trình độ dân trí thấp, ý thức tự giác kém, điều kiện tự nhiên bất lợi làm khả năng trả nợ của khách hàng gặp khó khăn, gây ảnh hưởng tới hoạt động của Ngân hàng.

- Môi trường pháp lý

Tất cả các chủ nhân tham gia vào nền kinh tế đều chịu sự chi phối của pháp luật. Thực tế cho thấy pháp luật đã trở thành một bộ phận không thể thiếu được của nền kinh tế thị trường. Không có pháp luật hoặc pháp luật không đầy đủ, không phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường thì mọi hoạt động trong nền kinh tế không thể tiến hành một cách trôi chảy được.

Pháp luật có nhiệm vụ tạo môi trường pháp lý cho mọi người hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi, đạt hiệu quả kinh tế cao. Nó còn là cơ sở để giải quyết các vấn đề khiếu nại khi có tranh chấp xảy ra. Vì vậy pháp luật có vị trí hết sức quan trọng đối với hoạt động Ngân hàng nói chung và chất lượng tín dụng nói riêng. Chỉ trong điều kiện các chủ thể tham gia quan hệ tín dụng tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh thì quan hệ tín dụng mới đem lại hiệu quả cho cả 2 bên và chất lượng tín dụng mới được đảm bảo.

- Môi trường văn hóa, giáo dục

Tín dụng hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn còn chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố như: trình độ học vấn của khách hàng không cao như khu vực thành thị và các lĩnh vực khác, kỹ năng và trình độ lao động ở nông thôn là tương đối thấp... Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cho vay hộ sản xuất.

1.2.1.2.Nhân tố chủ quan

- Khách hàng

Khách hàng là chủ thể đại diện cho bên cung về nguồn vốn huy động để cho vay, đồng thời cũng đại diện cho bên cầu về vốn vay. Với tư cách là người cung, họ mong muốn nhận được từ Ngân hàng một khoản lãi tiền gửi hay những dịch vụ thanh toán thuận tiện. Sự tín nhiệm của khách hàng đối với Ngân hàng sẽ làm tăng thêm tính ổn định vững chắc của nguồn vốn huy động để đáp ứng nhu cầu của người vay. Đối với người đi vay, họ đến với Ngân hàng với mong muốn nhu cầu của mình được đáp ứng, để có được một khoản tiền sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh với sự xác định rõ ràng về số lượng tiền vay, thời hạn vay và lãi suất giá cả của việc sử dụng vốn vay có thể chấp nhận được. Nếu nhu cầu của khách hàng được chấp nhận với thái độ ân cần niềm nở và thủ tục đơn giản thuận tiện sẽ thu hút được nhiều khách hàng tốt, tạo điều kiện cho hoạt động tín dụng thuận lợi, chất lượng tín dụng được đảm bảo.

- Ngân hàng

Ngân hàng là chủ thể đại diện cho bên cầu về vốn huy động để cho vay, đồng thời cũng đại diện cho bên cung về vốn tín dụng. Quy mô và phạm vi hoạt động của vốn tín dụng phụ thuộc vào vốn tự có của Ngân hàng, khả năng huy động vốn (về quy mô và thời hạn) cũng như uy tín và trình độ quản lý của Ngân hàng, ngoài ra còn phụ thuộc trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ, mạng lưới, phương tiện hoạt động, khả năng tạo tiền của bản thân NHTM và việc sử dụng các công cụ tiền tệ của NHNN.

CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHO VAY ĐÓI VỚI HỘ SẢN XUẤT TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN TIÊN LÃNG

2.1. Khái quát tình hình sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất trên địa bàn huyện Tiên Lãng.

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của huyện Tiên Lãng

2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Tiên Lãng là huyện nằm về phía Đông Nam thành phố Hải Phòng, phía Bắc, đông Bắc giáp huyện An Lão, Kiến Thụy, phía Tây Nam giáp huyện Vĩnh Bảo, phía Tây giáp huyện Thanh Hà-Tứ Kỳ Hải Dương, phía Đông giáp biển. Do phù sa của sông Văn Úc, sông Thái Bình bồi đắp, mỗi năm Tiên Lãng tiến ra biển từ 10 đến 15 mét. Với tổng diện tích 19.353km², trong đó diện tích tự nhiên của huyện là 168 km², diện tích đất canh tác là 9.296,7 ha. Địa hình Tiên Lãng cao thấp khác nhau, có nhiều gò đồng đầm lầy xen kẽ, hình thể dài và hẹp. Dân số của huyện là 153.450 người, kinh tế chủ yếu phát triển dựa trên nền nông nghiệp truyền thống, với 3 mặt giáp sông, một mặt giáp Vịnh Bắc Bộ nên Tiên Lãng có tài nguyên rừng ngập mặn khá đa dạng và trên 3.000 ha vùng bãi triều với khí hậu trong lành, cảnh quan đẹp rất thuận lợi cho thăm quan, du lịch sinh thái và thu hút các dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản.

2.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Huyện Tiên Lãng là một huyện thuần nông, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Toàn huyện có 23 đơn vị hành chính gồm 1 thị trấn và 22 xã. Tiên Lãng có 1 khu công nghiệp, 9 Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với ngành nghề chủ yếu là da giày, may mặc, có 12 công ty TNHH chuyên kinh doanh vận tải, xây dựng, bất động sản, con giống, cây trồng...

Trong những năm gần đây, được Đảng, Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều công trình, dự án lớn đã và đang phát huy hiệu quả và có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của huyện như công trình thủy lợi Bắc-Nam sông Mới, đường trục huyện (212), cầu Khuê, Nhà máy đóng tàu Thái Bình Dương... cùng với sự nỗ lực của Đảng bộ chính quyền và nhân dân Tiên Lãng anh hùng, kinh tế của huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng đẩy mạnh phát triển kinh tế công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời xác định nông nghiệp là

ngành mũi nhọn của địa phương, tiếp tục củng cố ngành nghề, làng nghề truyền thống, giải quyết hàng nghìn lao động có thêm việc làm, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng lên rõ rệt.

2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn cho hoạt động của Ngân hàng

2.1.2.1.Thuận lợi

- Agribank Chi nhánh huyện Tiên Lãng luôn nhận được sự quan tâm, theo dõi, giúp đỡ và hỗ trợ về mọi mặt công tác từ phía khu vực và hội sở như hỗ trợ về vốn, bổ sung chuyên môn, trang bị cơ sở vật chất công nghệ cho Ngân hàng để mở rộng và nâng cao hoạt động kinh doanh của chi nhánh.

- NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng có một vị trí địa lý thuận lợi, phòng giao dịch nằm ở khu vực thị trấn khu trung tâm của huyện. Đây cũng là Ngân hàng lớn nhất trong huyện nên dễ dàng tạo được niềm tin trong nhân dân.

- Huyện Tiên Lãng một mảnh đất thuần nông, người dân nghèo chăm chỉ có trí làm giàu vì vậy Ngân hàng có nhiều điều kiện để phát triển tín dụng

- Đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn, tuổi đời khá trẻ, nhiệt huyết và tinh thần đoàn kết của các cán bộ công nhân viên trong đơn vị là thế mạnh nội tại đã tạo điều kiện thuận lợi Agribank vượt qua nhiều thử thách gay go để đứng vững và tồn tại, phát triển trong nền kinh tế thị trường.

- Hình ảnh và vị thế của Agribank trên địa bàn Hải Phòng ngày càng được biết đến và quảng bá rộng rãi. Trong thời gian qua, trước những biến động mạnh mẽ của thị trường tiền tệ, Agribank đã khẳng định được năng lực của mình và là một trong những ngân hàng tốt nhất Việt Nam hiện nay.

2.1.2.2.Khó khăn

- NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng chủ yếu cho vay kinh tế hộ, chưa quan tâm đến việc đầu tư cho vay doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ.

- Hạn mức cho vay tối đa của ngân hàng hiện tại là 700 triệu, hạn mức này hơi thấp đối với tình hình phát triển kinh tế của cá nhân và doanh nghiệp hiện nay.

- Vốn đầu tư chủ yếu cho vay ngắn hạn, việc cho vay vốn trung và dài hạn chiếm tỷ lệ thấp trong tổng vốn vay.

- Việc huy động vốn bằng ngoại tệ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng nguồn vốn huy động.

- Sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng còn đơn điệu, chưa thực sự hấp dẫn để thu hút khách hàng.

- Đối tượng khách hàng chủ yếu là người dân trong huyện.

2.1.3. Đặc điểm về kinh tế hộ sản xuất của huyện

- Về ngành nghề: hộ sản xuất tiến hành sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề khác nhau rất đa dạng và phong phú, bao gồm nông lâm ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Phần lớn các hộ trong huyện đều không ngừng đổi mới phương pháp sản xuất, nuôi trồng giúp cho năng suất không ngừng tăng lên. Giá trị thu nhập trên diện tích gieo trồng tăng lên, trước đây bình quân 40 – 50 triệu đồng/ha/năm nay nhiều cánh đồng trồng 4 vụ/năm như ở thôn Đại Công, Tiên Cường. Trồng dưa hấu, trồng khoai tây, dưa chuột xuất khẩu ở Cấp Tiến, Quang Phục, Tiên Thắng.. cho thu nhập từ 80-100 triệu đồng/năm trở lên. Diện tích trồng thuốc lá cũng được mở rộng cùng với việc áp dụng KHKT nên năng suất cây trồng cao. Toàn huyện có 280 trang trại trong đó có 130 trang trại nuôi gà đẻ, gà thịt. Các đầm nuôi tôm, nuôi cá ở Vinh Quang, Hùng Thắng vẫn luôn được đầu tư phát triển.

- Về nhân lực: hộ sản xuất chủ yếu sử dụng nguồn lao động tự có là chủ yếu. Tuy nhiên, do quy mô sản xuất ngày càng lớn khi cần một số hộ sản xuất thuê thêm lao động, có thể thường xuyên hoặc thời vụ.

- Về quy mô sản xuất: Hộ sản xuất thường hoạt động với quy mô nhỏ tức là với quy mô gia đình là chủ yếu. Do điều kiện về nguồn khả năng quản lý sức cạnh tranh trên thị trường nên hộ sản xuất rất khó mở rộng quy mô.

- Về nguồn vốn sản xuất kinh doanh: vốn để sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất chủ yếu hình thành từ ba nguồn: vốn tự có, vốn được tài trợ và vốn từ tổ chức tín dụng khác. Tổng nguồn vốn mà Ngân hàng đầu tư cho lĩnh vực kinh tế trang trại chăn nuôi là 27.605 triệu đồng, số trang trại 133. Cho vay nuôi trồng thủy sản là 17.500 triệu đồng. Cho 57 hộ vay mua máy phục vụ nông nghiệp là 335 triệu, số máy 25. Trồng cây ngắn ngày với số tiền vay là 133.368 triệu đồng. Ngân hàng còn tạo điều kiện cho các hộ vay vốn bảo tồn các làng nghề truyền thống trên địa bàn, như làng nghề chiếu cói Lật Dương, làng đan xã Tiên Cường.

2.2. Khái quát về hoạt động của Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng

2.2.1. Sự ra đời và bộ máy tổ chức hoạt động

2.2.1.1. Sự ra đời của Chi nhánh Agribank huyện Tiên Lãng

Chi nhánh Agribank huyện Tiên Lãng được thành lập vào ngày 6/5/1987 gồm 12 cán bộ nhân viên do đồng chí Vũ Văn Đuốc, Huyện ủy viên làm Trưởng Chi điểm, đồng chí Trần Văn Đào làm Phó Chi điểm. Những ngày đầu thành lập, Chi điểm vừa ra đời, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, thiếu thốn về mọi mặt.

Trong điều kiện kinh tế của đất nước, địa phương còn gặp nhiều khó khăn thử thách, cán bộ công nhân viên Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng không ngừng học tập rèn luyện, nắm chắc các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, có nhiều giải pháp khai thác tiềm năng, đầu tư tín dụng kịp thời, đúng hướng, cùng toàn dân trong huyện phát triển kinh tế xã hội.

Trong suốt những năm qua, đơn vị không ngừng đầu tư nâng cấp để tới nay có một trụ sở làm việc khang trang, sạch đẹp bao gồm 2 dãy nhà 2 tầng, nhà ăn, phòng bảo vệ, khu để xe... với tổng diện tích trên 500m² tại khu 2 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng.

Chi nhánh NHNo PTNT huyện Tiên Lãng là người bạn đồng hành, là địa chỉ đáng tin cậy của nhà nông, nông nghiệp nông thôn Tiên Lãng hôm nay và mai sau.

2.2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động

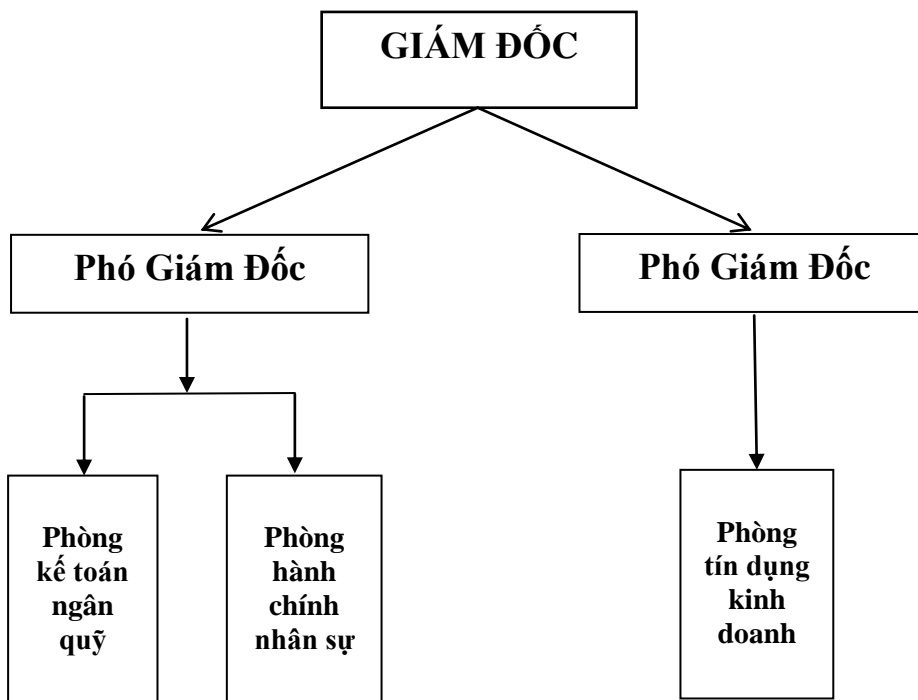
- Bộ máy tổ chức

Hiện nay Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng có 30 cán bộ công nhân viên độ tuổi trung bình là 35 tuổi

Trong đó :

- Trình độ thạc sĩ là : 5 chiếm 16,67%
 - Trình độ Đại học là : 22 chiếm 73,33%
 - Trình độ trung cấp là : 3 chiếm 10%
- Mô hình tổ chức

Bộ máy tổ chức được mô tả qua sơ đồ sau



(Nguồn: Phòng hành chính nhân sự của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

2.2.2. Khái quát về tình hình hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

2.2.2.1. Công tác huy động vốn

- Tình hình huy động vốn của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng 1: Nguồn vốn huy động tại CNAgribank Tiên Lãng

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tổng số dư tiền gửi	168.248	100%	283.198	100%	380.793	100%
Theo kỳ hạn						
Không kỳ hạn	40.052	23,81%	76.547	27,03%	91.624	24,06%
Có kỳ hạn	128.196	76,19%	206.651	72,97%	289.169	75,94%
Tiền gửi < 12 tháng	942.24	56,00%	152.612	53,89%	206.322	54,18%
Tiền gửi >= 12 tháng	33.972	20,19%	54.039	19,08%	82.847	21,76%
Theo loại tiền						
VND	164.379	97,70%	275.552	97,30%	369.750	97,10%
Ngoại tệ (USD)	3.869	2,30%	7.646	2,70%	11.043	2,90%
Theo thành phần kinh tế						
Tiền gửi của dân cư	140.530	83,53%	239.265	84,49%	340.880	89,52%
Tiền gửi của tổ chức	27.718	16,47%	43.933	15,51%	39.913	10,48%

(Nguồn: Phòng kế toán ngân quỹ Chi nhánh Agribank Tiên Lãng năm 2012-2014).

Tổng nguồn vốn huy động được của Chi nhánh năm 2012 là 168.248 triệu trong khi đó kế hoạch đặt ra là 180.500 triệu. Như vậy Chi nhánh đã hoàn thành 93,21% kế hoạch đặt ra. Trước tình hình kinh tế khó khăn của đất nước năm 2012 việc huy động vốn của Chi nhánh cũng bị ảnh hưởng. Năm 2011 nguồn vốn mà Ngân hàng huy động được là 160.172 triệu. Nguồn vốn huy động của ngân hàng năm 2012 tăng 8.076 triệu tương đương với 5,04% nhưng tốc độ tăng trưởng này còn khá thấp so với kế hoạch đặt ra là 12,69%. Bước sang năm 2013 với sự nỗ lực và cố gắng không ngừng nguồn vốn huy động của Ngân hàng tăng 114.950 triệu tăng tương đương 68,32% so với năm 2012. Con số 68,32% cho thấy đây là một mức tăng trưởng nhanh và là một thành công vang dội của Ngân hàng Tiên Lãng trong suốt những năm qua. Đây cũng là một mốc, một điểm sáng đánh dấu sự trưởng thành của Chi nhánh trong khối Ngân hàng Agribank

toàn thành phố. Tổng nguồn vốn huy động năm 2014 là 380.793 triệu tăng 97.595 triệu so với năm 2013 tương đương 34,46%. Mặc dù việc huy động vốn tăng lên nhưng tốc độ tăng trưởng lại thấp hơn 33,86% so với năm 2013. Như vậy cho thấy việc huy động vốn của Ngân hàng cũng gặp phải những khó khăn nhất định. Nguyên nhân là do nền kinh tế vĩ mô của cả nước nói chung và Hải Phòng nói riêng vẫn đang trong trạng thái khủng hoảng, chưa hồi phục. Thêm vào đó là chính sách thắt chặt tín dụng của Ngân hàng nhà nước đã làm cho người dân chuyển từ tiền đồng sang các kênh đầu tư khác khiến cho công tác huy động vốn bị hạn chế.

- Phân theo thời gian huy động vốn:

Tiền gửi không kỳ hạn chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn và tăng giảm thất thường. Ngược lại, nguồn vốn có kỳ hạn tăng và chiếm tỷ lệ cao. Tiền gửi có kỳ hạn chiếm tỷ trọng cao sự ổn định nguồn vốn của Ngân hàng. Mặt khác chênh lệch lãi suất đầu vào, đầu ra sẽ bị thu hẹp. Nếu đi sâu vào nguồn vốn dài hạn thì lại thấy chủ yếu là tập trung vào loại dưới 12 tháng, tiền gửi trên 24 tháng hầu như không có, do đó Ngân hàng cũng bị hạn chế nguồn cho vay trung, dài hạn.

- Phân theo loại tiền huy động

Tiền gửi bằng nội tệ là chủ yếu, đều trên 95%, tiền gửi bằng ngoại tệ chiếm tỷ trọng nhỏ, không đáng kể thường dưới 5%. Điều này phản ánh nghiệp vụ thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại tệ của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng còn yếu, chưa có đủ uy tín với khách hàng có ngoại tệ, cầu thanh toán quốc tế thường vào các quận nội thành để thực hiện. Nguyên nhân là do kinh tế của huyện còn nghèo, chưa đạt tầm cỡ quốc gia, chưa khép kín được chu kỳ sản xuất - kinh doanh và tính thiếu ổn định của nền kinh tế huyện ngoại thành.

- Phân theo thành phần kinh tế

Nếu xét theo tiêu thức các thành phần kinh tế, thì thấy rằng nguồn vốn huy động chủ yếu của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng là từ dân cư, tiền gửi của các tổ chức kinh tế rất ít và có xu hướng giảm. Nguyên nhân các tổ chức kinh tế đóng trên địa bàn huyện đa phần là các cơ sở nhỏ bé, kinh doanh khó khăn, khả năng tài chính rất hạn chế, đi vay là chủ yếu, không có nguồn tiền gửi. Nguồn tiền gửi dân cư tăng nhanh, cao hơn rất nhiều so với tốc độ tăng bình quân của cả hệ thống, một mặt do mấy năm gần đây giá đất đai tăng quá nhanh, người dân

thu được nhiều tiền đền bù, giải toả, số hộ bán đất khá nhiều, dẫn đến hiện tượng có tiền nhưng thiếu diện tích sản xuất và kinh doanh nên chưa biết hướng kinh doanh như thế nào.

- Các biện pháp tăng cường huy động vốn có hiệu quả
 - Biện pháp kinh tế

Biện pháp kinh tế là biện pháp dựa vào yếu tố mang tính vật chất mà ngân hàng thông qua nó tác động đến nhu cầu và tâm lý của khách hàng gửi tiền vào ngân hàng mình.

Để nâng cao hiệu quả huy động vốn, biện pháp kinh tế mà ngân hàng có thể áp dụng đối với khách hàng là chính sách lãi suất huy động hấp dẫn, tổ chức khuyến mãi tặng quà cho khách hàng gửi lớn, gửi nhiều, khách hàng truyền thông thông qua cơ chế huy động. Ngân hàng cũng đã triển khai rất nhiều chương trình khuyến mại như Xuân đặc lộc – Tết phát tài trong dịp Tết nguyên đán, lì xì đầu xuân hay gần đây là chương trình tặng quà cho khách hàng nữ nhân dịp Quốc tế phụ nữ 8/3...

- Biện pháp kỹ thuật

Biện pháp kỹ thuật là những biện pháp mang tính kỹ thuật trong nghiệp vụ huy động vốn nhằm tạo cho công tác huy động cũng như hoàn trả tiền gửi, thanh toán.

Phần mềm IP CASH được Chi nhánh Agribank Tiên Lãng sử dụng trong việc quản lý và giao dịch. Toàn bộ Ngân hàng được phủ sóng mạng wifi để tiện cho việc cập nhật các thông tin. 100% nhân viên Ngân hàng phải có chứng chỉ tin học và sử dụng thành thạo máy vi tính.

- Biện pháp tâm lý

Tâm lý khách hàng khi gửi tiền vào ngân hàng ngoài việc được hưởng lãi suất ngân hàng trả cao, phục vụ thanh toán kịp thời, còn là sự yên tâm và cảnh giác an toàn cao.giao dịch cho khách hàng một cách nhanh chóng thuận lợi và chính xác.

Ngoài yếu tố khách hàng thì chính sách khuyến khích nhân viên Ngân hàng đóng vai trò quan trọng. Bên cạnh việc không ngừng nâng cao tiền lương và thu nhập cho cán bộ thì cần thiết phải chăm lo đời sống tinh thần cho nhân viên, đó là: Niềm vui và sự thoải mái trong công việc, được kính trọng, được giao tiếp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

rộng rãi, khen thưởng kịp thời, tạo điều kiện thăng tiến đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của ngân hàng.

2.2.2.2. Tình hình cho vay của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

Bảng 2: Tổng dư nợ cho vay của CN Agribank Tiên Lãng

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tổng dư nợ cho vay	265.856	100%	313.017	100%	376.626	100%
Theo kỳ hạn						
Cho vay ngắn hạn	247.178	92,97%	292.661	93,50%	356.430	94,64%
Cho vay trung hạn	17.523	6,59%	19.345	6,18%	19.026	5,05%
Cho vay dài hạn	1.155	0,43%	1.011	0,32%	1.170	0,31%
Theo cơ cấu kinh tế						
Nông, lâm thủy sản	150.315	56,54%	174.257	55,67%	206.391	54,80%
Công nghiệp - Xây dựng	49.077	18,46%	53.995	17,25%	65.156	17,30%
Dịch vụ	66.464	25,00%	84.765	27,08%	105.079	27,90%
Theo thành phần kinh tế						
Dư nợ DN quốc doanh	25.469	9,58%	25.824	8,25%	29.930	7,95%
Dư nợ DN ngoài quốc doanh	27.117	10,20%	33.086	10,57%	36.099	9,58%
Dư nợ hộ sản xuất và cá nhân	213.270	80,22%	254.107	81,18%	314.763	82,47%

(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

Tổng dư nợ cho vay năm 2012 là 265.852 triệu tăng so với năm 2011 là 51.909 triệu tương đương với tăng 24,26%. Trong năm 2012 ngân hàng đề ra kế hoạch 270.500 triệu, như vậy ngân hàng đã hoàn thành được 98,28% kế hoạch đặt ra. Qua đây cho thấy sự nỗ lực và cố gắng của ngân hàng trong việc sử dụng nguồn vốn. Con số 98,28% là một thành tích nổi bật trong giai đoạn kinh tế còn nhiều khó khăn, chưa được phục hồi. Năm 2013 mặc dù tổng dư nợ cho vay là 313.017 triệu, tăng 47.161 triệu so với năm 2012 nhưng tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 17,74%, giảm so với năm 2012 là 6,52%. Tổng dư nợ cho vay năm 2014 là

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

376.626 triệu, tăng 63.609 triệu tương đương 20,32% so với năm 2013. Với những cải thiện về chất lượng tín dụng, mở rộng thị trường, đổi mới phương thức hoạt động nên tốc độ tăng trưởng cao hơn năm trước là 2,58%. Qua đây cho thấy công tác chỉ đạo, điều hành của ban Giám đốc đến các phòng ban ngày càng hiệu quả, kết quả sử dụng nguồn vốn vay đều tăng qua các năm. Nguồn vốn tăng lên không nhiều nhưng cho thấy sự nỗ lực không ngừng của ngân hàng Tiên Lãng, góp phần cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện. Ngân hàng đã thực hiện được mục tiêu “ Dân giàu, nước mạnh, Dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Xét về cơ cấu cho vay theo kỳ hạn

Trong 3 năm từ 2012 đến 2014 ngân hàng chủ yếu cho vay ngắn hạn, chiếm trên 90% (năm 2012 là 247.178 triệu, chiếm 92,97%, năm 2013 là 262.661 triệu chiếm 93,50%, năm 2014 là 356.430 triệu chiếm 94,64%). Cho vay ngắn hạn luôn chiếm tỉ trọng cao là do Tiên Lãng là một mảnh đất thuần nông, người dân sản xuất kinh doanh theo thời vụ, ít doanh nghiệp, không có doanh nghiệp lớn đóng trên địa bàn. Cho vay ngắn hạn là chủ yếu nên nguồn vốn được an toàn, vòng quay vốn nhanh nhưng lợi nhuận đem lại cho ngân hàng thấp hơn so với cho vay trung và dài hạn.

Cho vay trung hạn năm 2012 là 17.523 triệu chiếm 6,59%. Năm 2013 và 2014 có xu hướng giảm cụ thể năm 2013 là 19.345 triệu chiếm 6,18%, năm 2014 là 19.026 triệu chiếm 5,05%. Nguồn vốn này chủ yếu phục vụ cho các doanh nghiệp nhỏ, mới thành lập hay cho việc đầu tư trang trại ban đầu, phục vụ làng nghề truyền thống. các khoản vay trung hạn thu được lãi cao hơn các khoản vay ngắn hạn nhưng rủi ro cao hơn, khó thu nợ hơn.

Cho vay dài hạn chiếm tỉ trọng nhỏ, các khoản cho vay này chủ yếu là phục vụ cho các đơn vị nhà nước, nhằm nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư các trang thiết bị. theo thống kê cho thấy có khoảng 97,23% các đơn vị trong huyện vay vốn từ ngân hàng làm nguồn vốn ban đầu để xây dựng. Từ năm 2012 đến năm 2014 cho vay dài hạn có xu hướng giảm. năm 2012 là 1.155 triệu chiếm 0,43%, năm 2013 là 1.011 triệu chiếm 0,32%, năm 2014 là 1.170 triệu chiếm 0,31%.

- Xét theo cơ cấu ngành

Xét về cơ cấu kinh tế, nguồn vốn của ngân hàng đầu tư chủ yếu vào ba nhóm ngành kinh tế chính, bao gồm nông - lâm thủy sản, công nghiệp – xây

dựng và dịch vụ. Theo bảng số liệu trên cho thấy mức cho vay cũng tăng qua các năm theo từng ngành nghề kinh tế. Trọng tâm kinh tế của huyện chủ yếu vẫn là nông nghiệp, diện tích lúa là 15245 ha diện tích cây màu lương thực là 198 ha. Toàn huyện có 280 trang trại (trong đó có 130 trang trại nuôi gà đẻ, gà thịt)... nên mức cho vay để sản xuất nông nghiệp luôn lớn, tỉ trọng cơ cấu cho vay nông – lâm thủy sản luôn chiếm lớn hơn 50% trên tổng dư nợ. Cụ thể năm 2012 cho vay để sản xuất nông – lâm nghiệp là 150.315 triệu, chiếm 56,54% trên tổng mức dư nợ. Năm 2013 mức cho vay đạt 174.257 triệu, chiếm 55,67% tổng dư nợ, mức cho vay này tăng so với năm trước 23.942 triệu tương đương với 15,93%. Bà con nông dân vay được vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình các khoản thu nhập tăng lên rõ rệt. Nhờ có vốn vay nông dân được tập huấn kỹ thuật, kiến thức khoa học mới để áp dụng vào sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản cho năng suất, chất lượng hiệu quả ngày càng cao.

Với định hướng “công nghiệp hóa hiện đại hóa” trong những năm qua huyện Tiên Lãng cũng chủ động đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp với sự góp mặt của công nghiệp may mặc, da giày, xây dựng các khu du lịch như suối khoáng, chùa Thắng Phúc, đình Cựu Đồi, đền Gắm... Năm 2012 số dư cho vay ngành công nghiệp – xây dựng là 49.077 triệu, chiếm 18,46% trên tổng số dư nợ. Năm 2013 tăng so với năm 2012 là 4.918 triệu tương đương với 10,2%. Năm 2014 tăng lên 65.156 triệu cao hơn so với năm 2013 là 11.161 triệu tương đương 20,67%. Với những bước chuyển mình trong nền kinh tế cùng với sự nỗ lực của ngân hàng hy vọng trong một ngày không xa huyện Tiên Lãng sẽ là một vùng nông thôn mới với những khu công nghiệp phát triển, cải thiện được cái đói nghèo của người dân.

Bên cạnh những khu di tích cấp quốc gia như đền Gắm, đình Cựu Đồi, bến Vua... cùng với những dịch vụ kinh doanh mùa lễ hội, ngân hàng Tiên Lãng là bộ phận để phát triển ngành dịch vụ, mang lại màu sắc mới cho huyện. Cụ thể năm 2012 mức cho vay phục vụ dịch vụ chiếm 25% tổng dư nợ với số tiền là 66.464 triệu. năm 2013 đạt 84.765 triệu, chiếm 27,08% tổng mức dư nợ, tăng hơn so với năm 2012 là 27,53%. năm 2014 ngành dịch vụ tăng hơn so với năm 2013 là 20.314 triệu, tương đương 23,97%. Qua đây cho thấy vai trò của ngân hàng Tiên Lãng trong việc xây dựng vùng nông thôn hiện đại.

- Xét theo thành phần kinh tế

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

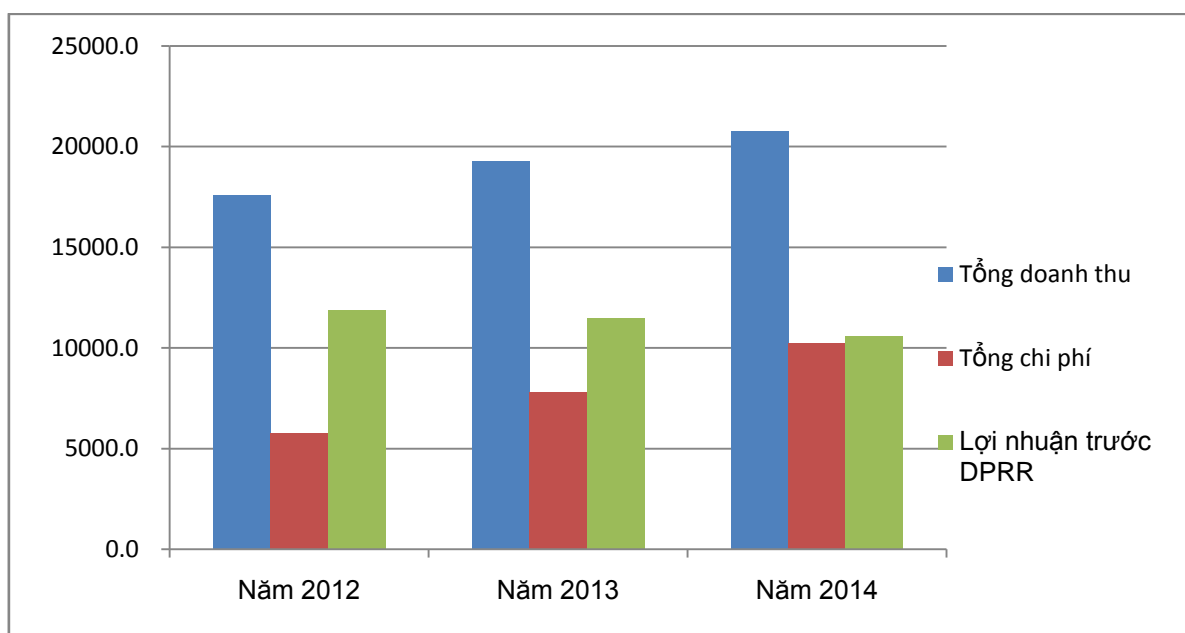
Dư nợ của hộ sản xuất chiếm tỷ trọng cao, đây là đối tượng khách hàng tiềm năng và quan trọng nhất của Agribank Tiên Lãng. Trong 3 năm liên tiếp, dư nợ của hộ sản xuất tăng, tuy nhiên tốc độ tăng không nhiều nguyên nhân là do: diện tích canh tác bị thu hẹp, một số dự án nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt đang trong quá trình thí điểm và mới hình thành, còn đang thiếu các cơ sở vật chất cần thiết. Trong khi đó hai ngành trồng trọt, chăn nuôi phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, khí hậu, dễ bị rủi ro do thiên tai, dịch bệnh. Kinh tế của huyện cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu, tốc độ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung có khả năng cạnh tranh, có khả năng chống chọi được các điều kiện khắc nghiệt của điều kiện tự nhiên,... còn khá chậm.

Điều kiện thời tiết cũng đôi chút khắc nghiệt nên chăn nuôi thường bị dịch bệnh, chi phí sản xuất cao, năng suất cây trồng vật nuôi tăng nhưng chưa thực sự đáp ứng theo mong muốn. Vì vậy đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tiềm ẩn rủi ro tín dụng cho Ngân hàng.

Dư nợ đối với Doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng nhỏ vì trên thực tế huyện Tiên Lãng rất ít loại hình Doanh nghiệp này và họ cũng ít sử dụng nguồn vốn của Ngân hàng.

Dư nợ ngoài quốc doanh cũng tăng dần qua các năm, đây là dấu hiệu đáng mừng đối với nền kinh tế của huyện. Số lượng công ty TNHH cũng tăng lên cả về số lượng và chất lượng trong một vài năm trở lại đây. Con số 36.099 triệu vào năm 2014 cho thấy tầm quan trọng của nguồn vốn Ngân hàng đối với sự phát triển của Doanh nghiệp.

2.2.2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.



Biểu đồ thể hiện lợi nhuận trước dự phòng rủi ro của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

Nhìn vào biểu đồ trên ta thấy lợi nhuận mà Ngân hàng đạt được giảm qua các năm nguyên nhân là do tốc độ tăng của doanh thu chậm hơn tốc độ tăng của chi phí. Qua đó, ta thấy chất lượng kinh doanh của ngân hàng trong giai đoạn vừa rồi đạt kết quả không cao. Ngân hàng cần có những biện pháp tích cực hơn để có thể gia tăng thu nhập và giảm thiểu chi phí tới mức thấp nhất để có thể thu được lợi nhuận như mong muốn.

2.2.2.4. Công tác thu hồi nợ

- Xét về cơ cấu nhóm nợ

Bảng 3: Cơ cấu nhóm nợ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tổng dư nợ	265.856	100%	313.017	100%	376.626	100%
Nợ đủ tiêu chuẩn	263.995	99,30%	310.669	99,25%	371.918	98,75%
Nợ quá hạn	1.861	0,70%	2.348	0,75%	4.708	1,25%

(Nguồn: Phòng tín dụng -Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

Hoạt động cho vay của ngân hàng luôn chứa đựng những rủi ro và phát sinh nợ quá hạn, nó không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng mà còn ảnh hưởng đến cả nền kinh tế. Nợ quá hạn tồn tại ở Chi nhánh Agribank Tiên Lãng là do 2 nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Nguyên nhân khách quan: Trước tình hình kinh tế biến động gặp phải những khó khăn, khách hàng vay vốn kinh doanh gặp phải những rủi ro, không đủ khả năng trả nợ ngân hàng. Chẳng hạn như các khoản vay ngắn hạn phục vụ cho việc chăn nuôi nhưng gặp phải dịch bệnh, thời tiết thay đổi thất thường dẫn đến mất mùa...vv Nên người dân không có nguồn thu để hoàn trả vốn cho ngân hàng.

Nguyên nhân chủ quan: Do phương án cho vay của ngân hàng chưa hợp lý, khâu quản lý còn thiếu sót, quá trình thẩm định chưa sát sao...vv

2.3. Phân tích thực trạng chất lượng cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

2.3.1. Quy trình và hồ sơ cho vay hộ sản xuất.

2.3.1.1. Quy trình cho vay

Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu cấp tín dụng của khách hàng.

Theo mô hình bán hàng chuyên nghiệp tại Agribank đối với nghiệp vụ cấp tín dụng, ở bước này nhân viên tín dụng thực hiện công tác tìm kiếm và tiếp khách hàng, tiếp nhận nhu cầu cấp tín dụng. Sau khi tiếp nhận khách hàng thành công, cán bộ tín dụng hướng dẫn khách hàng hoàn chỉnh hồ sơ vay vốn theo quy định.

Nhập thông tin khách hàng theo đơn vị quản lý vào bảng theo dõi hồ sơ khách hàng, đồng thời báo cáo lại Trưởng phòng trực tiếp quản lý về hồ sơ khách hàng mà mình đã tiếp nhận để theo dõi, hỗ trợ.

Bước 2: Xác minh, thẩm định.

Ở bước này, cán bộ tín dụng thực hiện công tác xác minh và thẩm định hồ sơ của khách hàng, làm cơ sở tham mưu cho cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Cán bộ tín dụng thực hiện thẩm định theo các trình tự và nội dung cụ thể như sau:

- Thẩm định về năng lực pháp lý của khách hàng.
- Thẩm định về năng lực hoạt động tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và uy tín của khách hàng.

- Phân tích khả năng vay trả, nguồn trả, hạn trả.
- Thẩm định các biện pháp bảo đảm tiền vay.
- Thẩm định về khả năng đáp ứng nguồn vốn, lãi suất, thời hạn cho vay của bản thân ngân hàng

Sau khi thực hiện các tác nghiệp thẩm định theo trình tự trên. Cán bộ tín dụng tiến hành lập tờ trình cho vay thẩm định để thống nhất đưa ra kết luận thẩm định của phòng nghiệp vụ đề xuất các biện pháp xử lý, đề nghị phán quyết tín dụng báo cáo cho lãnh đạo ngân hàng xem xét phê duyệt.

Bước 3: Phê duyệt

Sau khi thống nhất kết luận thẩm định và các ý kiến đề xuất, có ý kiến trưởng phòng nghiệp vụ, cán bộ tín dụng chịu trách nhiệm tập hợp hồ sơ tín dụng, tập hợp và bổ sung ý kiến của một số các bộ phận có liên quan đến bổ sung vào tờ trình (phòng Kế toán, Phòng Nguồn vốn...), trình lãnh đạo xem xét quyết định hoặc xin ý kiến chỉ đạo thực hiện.

Lãnh đạo nghe báo cáo thẩm định, xem xét hồ sơ vay vốn để quyết định hoặc cho ý kiến chỉ đạo thực hiện.

- Phê duyệt đồng ý cho vay
- Phê duyệt cho vay có điều kiện
- Không đồng ý cho vay, yêu cầu trả lời khách hàng

Bước 4: Hoàn chỉnh hồ sơ và triển khai phán quyết.

Kiểm soát viên tín dụng kiểm tra tính đầy đủ hợp lệ của hồ sơ tín dụng, các điều kiện cấp tín dụng (nếu có); lập hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay; lập thủ tục giải ngân, bán bảo hiểm bảo sn tín dụng cho khách hàng.

Cán bộ tín dụng thực hiện các thủ tục giải ngân trên hệ thống phối hợp với các bộ phận liên quan phát hành thư bảo lãnh, thu phí và theo dõi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (nếu có).

Thủ quỹ, kế toán tín dụng thực hiện giải ngân.

Bước 5: Quản lý và thu hồi nợ

Sau khi đã cấp tín dụng cho khách hàng, bộ phận quản lý tín dụng phối hợp với các phòng, bộ phận nghiệp vụ liên quan khác tại Chi nhánh thực hiện công tác quản lý và thu hồi nợ theo các quy định hiện hành của Agribank về quản lý và thu hồi nợ.

Bước 6: Tất toán

Sau khi khách hàng hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản dư nợ (bao gồm vốn gốc, lãi và phí phát sinh), cán bộ tín dụng tiến hành tắt toán hồ sơ tín dụng của khách hàng.

Bước 7: Lưu hồ sơ

Các bộ phận liên quan lưu trữ hồ sơ phát sinh và kết thúc tại công đoạn của mình. Bộ phận quản lý tín dụng lưu bộ hồ sơ tắt toán tại Chi nhánh trong một năm, sau đó chuyển về kho lưu trữ theo thứ tự lưu quy định.

2.3.1.2. Hồ sơ cho vay

- Hồ sơ của khách hàng
- Hồ sơ pháp lý

Xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, số hộ khẩu (nếu có), đối với đại diện hộ gia đình, cá nhân để đối chiếu với các giấy đề nghị vay vốn.

Hợp đồng hợp tác (đối với tổ hợp tác) bản photo có chứng nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn.

Giấy ủy quyền (nếu có) cho người đại diện (tổ trưởng tổ hợp tác/ thành viên khác trong gia đình) giao dịch với NHNo nơi cho vay.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với hộ gia đình có đăng ký kinh doanh).

- Hồ sơ vay vốn

Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp vay vốn không phải thực hiện bảo đảm bằng tài sản thì phải xuất trình giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn.

Hộ gia đình, cá nhân vay thông qua tổ vay vốn phải có thêm biên bản thành lập tổ vay vốn kèm theo danh sách thành viên.

Hộ gia đình, cá nhân vay thông qua Doanh nghiệp, phải có thêm: Hợp đồng làm dịch vụ vay vốn của Doanh nghiệp hoặc hợp đồng cung ứng vật tư tiền vốn, tiêu thụ sản phẩm của Doanh nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân nhận khoán.

- Hồ sơ do Ngân hàng lập
- Báo cáo thẩm định, tái thẩm định
- Biên bản họp hội đồng, tư vấn tín dụng (nếu có)
- Tờ trình gửi Ngân hàng cấp trên (nếu có)

- Các loại thông báo: thông báo phê duyệt khoản vay, thông báo phê duyệt hạn mức tín dụng, thông báo từ chối cho vay, thông báo nợ đến hạn, quá hạn...

- Hồ sơ do Khách hàng và Ngân hàng cùng lập

- Hợp đồng tín dụng / Sổ vay vốn.

- Giấy nhận nợ

- Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các giấy tờ có liên quan tới hợp đồng theo quy định.

- Biên bản kiểm tra sau khi cho vay

- Biên bản xác định nợ rủi ro bất khả kháng (trường hợp nợ bị rủi ro)

- Các giấy tờ khác (hợp đồng mua bảo hiểm tín dụng)

2.3.2. Các hình thức cho vay

2.3.2.1. Hình thức cho vay

- Cho vay trực tiếp hộ gia đình, cá nhân thông qua tổ vay vốn

- Cho vay hộ gia đình, cá nhân thông qua Doanh nghiệp

- Đối tượng thực hiện là các hộ gia đình, cá nhân nhận khoán của các Doanh nghiệp đã thực hiện giao khoán.

- Cho vay hộ gia đình, cá nhân thông qua việc ủy thác cho các tổ chức tín dụng ở nông thôn: Chi nhánh có nhu cầu vay phải lập đề án trình Tổng giám đốc phê duyệt.

2.3.2.2. Phương thức cho vay

- Cho vay từng lần

Phương thức cho vay từng lần áp dụng đối với khách hàng có nhu cầu vay vốn từng lần. Mỗi lần vay vốn, khách hàng và NHNo nơi cho vay lập thủ tục vay vốn theo quy định và ký hợp đồng tín dụng.

- Cho vay theo hạn mức tín dụng

- Phương thức cho vay này áp dụng với khách hàng vay vốn ngắn hạn có nhu cầu vay vốn thường xuyên, kinh doanh ổn định.

- Xác định hạn mức tín dụng: NHNo nơi cho vay sau khi nhận đủ các tài liệu của khách hàng sẽ tiến hành xác định hạn mức tín dụng. Đối với khách hàng sản xuất, kinh doanh tổng hợp thì phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng là tổng hợp phương án sản xuất kinh doanh của từng đối tượng, theo đó NHNo nơi cho vay xác định hạn mức tín dụng cho cả phương án sản xuất, kinh doanh tổng hợp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Thời gian của hạn mức tín dụng: Tối đa là 12 tháng tính từ ngày ký kết hạn mức tín dụng.

- Cho vay theo dự án đầu tư

- NHNo cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

- NHNo nơi cho vay cùng khách hàng ký hợp đồng tín dụng và thỏa thuận mức vốn đầu tư duy trì cho cả thời gian đầu tư của dự án, phân định các kỳ hạn trả nợ.

- Ngân hàng thực hiện giải ngân theo tiến độ thực hiện dự án.

- Trường hợp khách hàng đã dung nguồn vốn huy động tạm thời khác để chi phí cho dự án được duyệt trong thời gian chưa vay được vốn Ngân hàng, thì NHNo nơi cho vay có thể xem xét cho vay bù đắp nguồn vốn đó.

- Cho vay lưu vụ

Đối tượng: Chỉ áp dụng cho vay hộ gia đình, cá nhân vùng chuyên canh trồng lúa và ở các vùng xen canh trồng lúa với các cây trồng ngắn hạn khác

Điều kiện: Ngân hàng xét cho vay lưu vụ khi hộ gia đình, cá nhân có đủ điều kiện:

- Phải có 2 vụ liền kề

- Dự án, phương án đang vay có hiệu quả

- Trả đủ số lãi còn nợ của hợp đồng tín dụng trước

Mức cho vay: Tối đa bằng mức dư nợ thực tế của hợp đồng tín dụng trước.

Thời hạn lưu vụ: Không quá thời hạn của một vụ kế tiếp.

2.3.3. Cách thức phân loại nợ

Căn cứ vào tình hình thực tế, chỉ đạo của NHNN theo quyết định số 493 của Thống đốc NHNN. Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng phân loại nợ thành các nhóm sau:

- Nhóm 1. Nợ đủ tiêu chuẩn

Đây là các khoản nợ trong hạn mà tổ chức tín dụng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn.

- Nhóm 2. Nợ cần chú ý

Các khoản nợ quá hạn dưới 90 ngày

Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn nợ đã cơ cấu lại.

- Nhóm 3. Nợ dưới tiêu chuẩn

Các khoản nợ quá hạn từ 90-180 ngày.

Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn dưới 90 ngày theo kỳ hạn đã cơ cấu lại.

- Nhóm 4. Nợ nghi ngờ

Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày

Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn từ 90 ngày đến 180 ngày theo thời hạn đã cơ cấu lại.

- Nhóm 5. Nợ có khả năng mất vốn

Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày

Các khoản nợ khoanh chờ Chính Phủ xử lý

Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn trên 180 ngày theo thời hạn đã được cơ cấu lại.

2.3.4. Thực trạng cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

2.3.4.1. Doanh số cho vay hộ sản xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng 4. Doanh số cho vay hộ sản xuất CNAgribank Tiên Lãng

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Tổng doanh số cho vay	356.658	100%	431.070	100%	486265	100%
Phân theo thời gian						
Ngắn hạn	305.299	85,60%	362.961	84,20%	420133	86,40%
Trung, dài hạn	51,359	14,40%	68.109	15,80%	66132	13,60%
Phân theo ngành						
Nông nghiệp	222.911	62,50%	251.141	58,26%	309751	63,70%
+ Trồng trọt	133.497	37,43%	154.237	35,78%	185267	38,10%
+ Chăn nuôi	89.414	25,07%	96.905	22,48%	124484	25,60%
Lâm nghiệp	3.210	0,90%	3.017	0,70%	2188	0,45%
Thủy sản	44.582	12,50%	71.730	16,64%	72308	14,87%
Tiểu thủ công nghiệp	17.120	4,80%	18.407	4,27%	17651	3,63%
Thương mại dịch vụ	34.667	9,72%	44.314	10,28%	55142	11,34%
Ngành khác	34.168	9,58%	42.460	9,85%	29225	6,01%

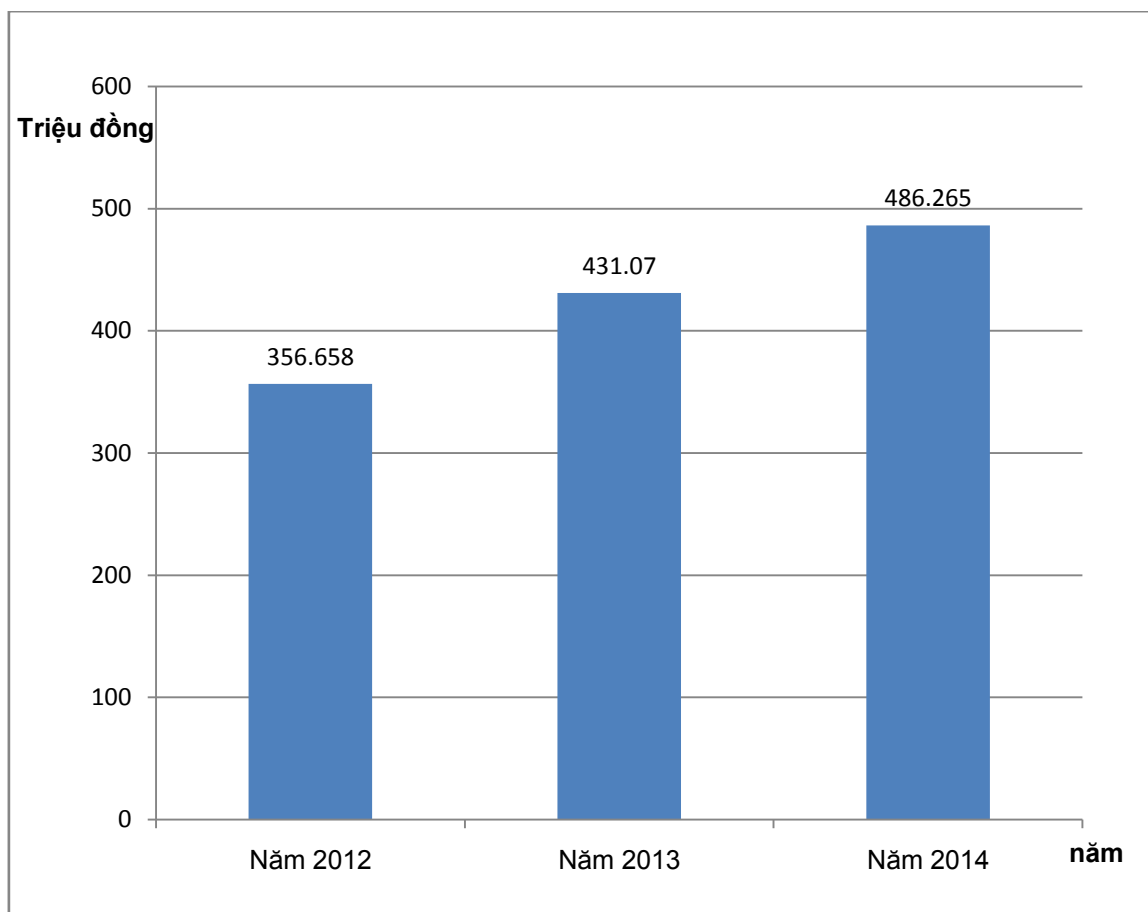
(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng 5: Sự biến động của doanh số cho vay hộ sản tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.

Đơn vị: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	So sánh					
	Năm 2012-2013			Năm 2013-2014		
	Số tiền	Tỷ trọng	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ trọng	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh số cho vay	74.412		20,86%	55.195		12,80%
Phân theo thời gian						
Ngắn hạn	57.662	-1,40%	18,89%	57.172	2,20%	15,75%
Trung, dài hạn	16.750	1,40%	32,61%	-1.977	-2,20%	-2,90%
Phân theo ngành						
Nông nghiệp	28.230	-4,24%	12,66%	58.609	5,44%	23,34%
+Trồng trọt	20.740	-1,65%	15,54%	31.030	2,32%	20,12%
+Chăn nuôi	7.490	-2,59%	8,38%	27.579	3,12%	28,46%
Lâm nghiệp	-192	-0,20%	-5,99%	-829	-0,25%	-27,48%
Thủy sản	27.148	4,14%	60,89%	578	-1,77%	0,81%
Tiểu thủ công nghiệp	1.287	-0,53%	7,52%	-755	-0,64%	-4,10%
Thương mại dịch vụ	9.647	0,56%	27,83%	10.828	1,06%	24,44%
Ngành khác	8.293	0,27%	24,27%	-13.236	-3,84%	-31,17%



Biểu đồ thể hiện doanh số cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

Doanh số cho vay của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng tăng lên qua các năm. Năm 2012, doanh số cho vay là 356.658 triệu. Doanh số cho vay năm 2013 là 431.070 triệu tăng 74.412 triệu tương đương 20,86% so với năm 2012. Doanh số cho vay năm 2014 là 486.265 triệu tăng so với năm 2013 là 55.195 triệu. Mặc dù doanh số cho vay của năm 2014 tăng nhưng tốc độ tăng vẫn chậm hơn so với năm 2013, chỉ đạt 12,8%. Qua số liệu này chúng ta có thể nhận thấy rõ nhu cầu vốn của hộ sản xuất tăng lên, như vậy đòi hỏi Ngân hàng phải có những kế hoạch rõ ràng để đáp ứng cho các hộ sản xuất.

Phân theo thời gian, doanh số cho vay ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trên 80% trong tổng doanh số cho vay. Năm 2012, doanh số cho vay ngắn hạn là 305.299 triệu chiếm 85,60%. Năm 2013 doanh số cho vay tăng 57.662 triệu tương đương 18,89% đạt 362.961 triệu, tuy nhiên tỷ trọng lại giảm 1,40% so với năm 2012. Năm 2014 doanh số cho vay ngắn hạn chiếm 86,4%, tăng tỷ trọng

2,2% so với năm 2013. Tỷ lệ tăng trưởng của năm này là 15,75% và đạt 420.133 triệu. Doanh số cho vay trung, dài hạn của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng đều chiếm tỷ trọng nhỏ dưới 20%, có sự biến động liên tục tăng lên ở năm 2013, nhưng giảm ở năm 2014. Điều này chứng tỏ đầu tư cho vay hộ sản xuất với những phương án sản xuất, kinh doanh ngắn là chủ yếu. Nhu cầu vay vốn trung, dài hạn thấp. Các phương án sản xuất kinh doanh trong dài hạn còn rất ít hoặc do các Doanh nghiệp trong nội thành đầu tư.

Phân theo cơ cấu ngành thì doanh số cho vay ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tất cả các ngành nguyên nhân là do đặc thù kinh tế huyện làm nông là chủ yếu. Tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm trên dưới 60%, trong đó ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng cao hơn. Doanh số đầu tư cho lĩnh vực trồng trọt năm 2012 là 133.497 triệu, năm 2013 tăng 20.740 triệu, tuy nhiên tỷ trọng ngành trồng trọt giảm 1,65%. Năm 2014, doanh số cho vay ngành trồng trọt chiếm 38,1% trong tổng doanh số cho vay, tốc độ tăng là 20,12% so với năm 2013. Tỷ trọng cho vay ngành nông nghiệp có xu hướng giảm ngành trồng trọt, tăng chăn nuôi. Nguồn vốn đầu tư cho lâm nghiệp có xu hướng giảm liên tục, nguyên nhân là do diện tích rừng bị thu hẹp, chuyển đổi thành đất canh tác. Doanh số cho vay ngành thương mại, dịch vụ và các ngành khác tăng lên, đây là điều hợp với quy luật phát triển của nền kinh tế nông nghiệp do sự ảnh hưởng của đô thị hóa.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.3.4.2. Dư nợ cho vay hộ sản xuất

Bảng 6. Tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Tổng dư nợ cho vay	159.952	100%	190.580	100%	236.073	100%
Phân theo thời gian						
Ngắn hạn	133.944	83,74%	157.515	82,65%	193.981	82,17%
Trung, dài hạn	26.008	16,26%	33.066	17,35%	42.092	17,83%
Phân theo ngành						
Nông nghiệp	101.218	63,28%	117.702	61,76%	142.399	60,32%
+ Trồng trọt	55.775	34,87%	62.739	32,92%	72.852	30,86%
+ Chăn nuôi	45.442	28,41%	54.963	28,84%	69.547	29,46%
Lâm nghiệp	2.079	1,30%	2.058	1,08%	2.054	0,87%
Thủy sản	23.145	14,47%	26.472	13,89%	31.917	13,52%
Tiểu thủ công nghiệp	5.118	3,20%	5.203	2,73%	4.155	1,76%
Thương mại dịch vụ	17.419	10,89%	21.974	11,53%	30.265	12,82%
Ngành khác	10.973	6,86%	17.171	9,01%	25.283	10,71%

(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

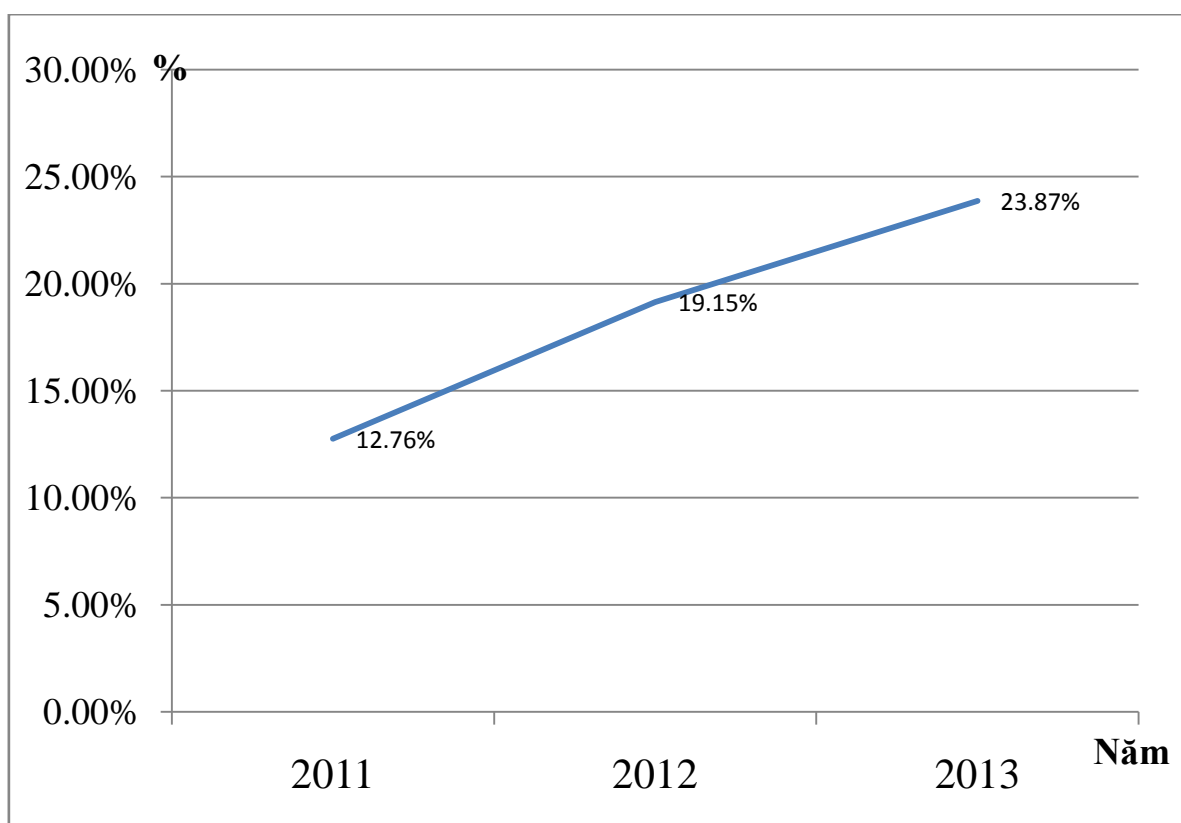
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng 7: Sự biến động của tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.

Đơn vị: triệu đồng, %

Chi tiêu	So sánh					
	Năm 2012-2013			Năm 2013-2014		
	Số tiền	Tỷ trọng	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ trọng	Tỷ lệ (%)
Tổng dư nợ cho vay	30.628		19,15%	45.492		23,87%
Phân theo thời gian						
Ngắn hạn	23.571	-1,09%	17,60%	36.466	-0,48%	23,15%
Trung, dài hạn	7.057	1,09%	27,14%	9.026	0,48%	27,30%
Phân theo ngành						
Nông nghiệp	16.485	-1,52%	16,29%	24.697	-1,44%	20,98%
+ Trồng trọt	6.964	-1,95%	12,49%	10.113	-2,06%	16,12%
+ Chăn nuôi	9.521	0,43%	20,95%	14.584	0,62%	26,53%
Lâm nghiệp	-21	-0,22%	-1,02%	-4	-0,21%	-0,22%
Thủy sản	3.327	-0,58%	14,37%	5.445	-0,37%	20,57%
Tiểu thủ công nghiệp	84	-0,47%	1,65%	-1.048	-0,97%	20,14%
Thương mại dịch vụ	4.555	0,64%	26,15%	8.291	1,29%	37,73%
Ngành khác	6.199	2,15%	56,49%	8.112	1,70%	47,24%

(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)



Biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng dư nợ hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.

Tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng giai đoạn 2012-2014 liên tục tăng lên. Đây là một dấu hiệu đáng mừng và cũng thấy rõ được những đóng góp tích cực của Ngân hàng giúp dân phát triển kinh tế, thực hiện mục tiêu làm giàu. Tổng dư nợ năm 2013 tăng 30.628 triệu tương đương tốc độ tăng trưởng 19,15%. Năm 2014 con số dư nợ cho hộ sản xuất tiếp tục tăng 45.492 triệu so với năm 2013, tốc độ tăng trưởng này đạt 23,87%. Nhờ nguồn vốn được cấp từ Ngân hàng mà tình hình kinh tế của các hộ sản xuất được cải thiện rõ rệt về cả số lượng và chất lượng, số lượng hộ nghèo giảm đáng kể trong những năm qua. Người dân phấn khởi tìm hiểu và đưa ra những phương án sản xuất kinh doanh khác nhau, phù hợp với tình hình kinh tế của địa phương và đem lại hiệu quả kinh tế. Nguồn vốn mà Ngân hàng đầu tư cho hộ sản xuất có sự phân hóa rõ ràng, cụ thể:

Xét theo thời gian: Dư nợ cho vay ngắn hạn của hộ sản xuất trong giai đoạn 2012-2014 luôn chiếm tỷ trọng cao trên 80%, tuy nhiên lại có xu hướng giảm tỷ trọng qua các năm, cụ thể năm 2013 giảm 1,09%, năm 2014 cho vay ngắn hạn của các hộ lại tiếp tục giảm 0,48% so với năm 2013. Tỷ trọng của

nguồn vốn vay trung, dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng có xu hướng tăng lên qua từng năm, tốc độ tăng đạt 27,14% vào năm 2013, 27,30% vào năm 2014. Với sự chuyển dịch cơ cấu như trên, cho thấy các hộ sản xuất đã chú trọng tới những dự án sản xuất kinh doanh lâu dài, ổn định. Đồng thời cũng thấy được những chuyển biến tích cực của Ngân hàng trong cân đối nguồn vốn cho vay.

Xét theo cơ cấu ngành: Ngành nghề trên địa bàn huyện Tiên Lãng phong phú, đa dạng bao gồm nhiều ngành nghề khác nhau. Nguồn vốn của Ngân hàng đầu tư cho tất cả các ngành nghề, song đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp là chủ yếu. Tổng dư nợ cho ngành nông nghiệp giai đoạn 2012-2014 luôn chiếm tỷ trọng cao, trên 60%. Sở dĩ Ngân hàng đầu tư nhiều cho nông nghiệp là do đặc thù kinh tế, các hộ chủ yếu làm nông nghiệp. Trong lĩnh vực nông nghiệp trồng trọt luôn chiếm tỷ trọng cao hơn, tuy nhiên tỷ trọng dư nợ của ngành này có xu hướng giảm liên tục qua các năm. Năm 2013 tỷ trọng của ngành này giảm 1,95% và năm 2014 tiếp tục giảm 2,06%. Nguyên nhân tỷ trọng dư nợ có xu hướng giảm là diện tích đất trồng trọt bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa, các hộ hiến đất để mở rộng đường làng ngõ xóm, các khu công nghiệp mọc lên trên các cánh đồng. Tuy nhiên lĩnh vực chăn nuôi trong huyện vẫn luôn được chú trọng đầu tư, tổng dư nợ tăng qua các năm, năm 2013 tăng 9.521 triệu, năm 2014 tăng 14.584 triệu tương đương tốc độ tăng 26,53%. Nhờ nguồn vốn được cấp từ Ngân hàng, các hộ mở rộng việc chăn nuôi, không chỉ giới hạn chăn lợn thịt, gà vịt đẻ trứng mà còn chăn dê, cừu, bò... giúp cho thu nhập của các hộ tăng lên, mức sống được cải thiện hơn trước. Nhờ đây mà các hộ tạo ra một lượng hàng hóa lớn trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn với nhiều sản phẩm phong phú, đa dạng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân trong huyện và các tỉnh thành lân cận.

Do vị trí địa lý, huyện Tiên Lãng có rất nhiều đầm, ao, hồ thuận lợi cho việc nuôi thủy sản, diện tích đầm nuôi tôm, nuôi cá ngày càng được mở rộng. Nhờ nguồn vốn đầu tư của Ngân hàng, mà các hộ dân không đơn thuần làm mô hình đầm nuôi tôm, nuôi cá đơn điệu, mà kết hợp xây dựng thành công mô hình VAC. Cũng nhờ nguồn vốn của Ngân hàng, mà các hộ được tiếp cận KHKT tiên tiến, hiện đại, mạnh dạn áp dụng mô hình nuôi ba ba, cua bể... thu nhập hàng năm tăng đáng kể. Các đầm rươi cũng được xây dựng, đầu tư để tiện cho việc thu hoạch. Tuy nhiên tỷ trọng của ngành này vẫn có xu hướng giảm.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nguyên nhân là do thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản thu nhập không cao bằng những ngành khác.

Đối với ngành tiểu thủ công nghiệp và lâm nghiệp Ngân hàng chú trọng đầu tư nguồn vốn giúp các hộ phát triển, giữ gìn làng nghề truyền thống. Tuy nhiên do nhu cầu tiêu thụ không nhiều và thu nhập không cao dẫn đến số hộ tiếp tục sản xuất lĩnh vực này ngày càng ít. Đây cũng là nguyên nhân mà dư nợ của ngành này giảm đáng kể trong giai đoạn 2012-2014.

Tổng dư nợ của ngành thương mại dịch vụ và nhóm ngành khác tăng lên đáng kể qua các năm. Nguyên nhân là do sự chuyển dịch kinh tế của vùng nông thôn, đồng thời thu nhập của nhóm ngành này cao hơn so với thu nhập của ngành nông nghiệp. Vì vậy trong một vài năm trở lại đây, số hộ kinh doanh tại nhà tăng lên đáng kể, đây là một điểm đóng góp tích cực cho việc xây dựng khu nông thôn hiện đại.

Nói tóm lại nguồn vốn mà Agribank Tiên Lãng cung ứng cho các hộ sản xuất có vai trò hết sức quan trọng. Nhờ đây mà Huyện Tiên Lãng đã thay đổi toàn diện trên mọi lĩnh vực. Sự chủ động nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất đã đem lại hiệu quả nguồn vốn cho Ngân hàng, giúp ích cho các hộ sản xuất. Đứng trước tình hình kinh tế còn nhiều bất ổn, Ngân hàng cần tích cực, chủ động trong việc mở rộng thị trường cho vay, xứng đáng với danh hiệu Ngân hàng đồng hành cùng nhà nông.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.3.4.3. Số hộ sản xuất có dư nợ tại Agribank Tiên Lãng.

Bảng 8: Bảng thống kê số lượng hộ sản xuất vay tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng giai đoạn 2012-2014.

Đơn vị: hộ, %

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số hộ	Tỷ trọng	Số hộ	Tỷ trọng	Số hộ	Tỷ trọng
Tổng số hộ dư nợ	8.658	100%	9.076	100%	10.250	100%
Phân theo thời gian						
Ngắn hạn	6.926	80,00%	7.007	77,20%	7.880	76,88%
Trung, dài hạn	1.732	20,00%	2.069	22,80%	2.370	23,12%
Phân theo ngành		0,00%		0,00%		0,00%
Nông nghiệp	7.937	91,67%	8.244	90,83%	9.032	88,12%
+Trồng trọt	5.686	65,67%	5.747	63,32%	6.103	59,54%
+Chăn nuôi	2.251	26,00%	2.297	25,31%	2.959	28,87%
Lâm nghiệp	23	0,27%	3	0,03%	0	0,00%
Thủy sản	227	2,62%	239	2,63%	245	2,39%
Tiểu thủ công nghiệp	65	0,75%	52	0,57%	50	0,49%
Thương mại dịch vụ	222	2,56%	254	2,80%	342	3,34%
Ngành khác	184	2,13%	284	3,13%	581	5,67%
Bình quân dư nợ 1 hộ (tr/hộ)	18,47		21,00		23,03	

(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng 9: Sự biến động số lượng hộ sản xuất vay vốn giai đoạn 2012-2014

Đơn vị: hộ, %

Chi tiêu	So sánh					
	Năm 2012-2013			Năm 2013-2014		
	Số hộ	Tỷ trọng	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ trọng	Tỷ lệ (%)
Tổng số dư nợ	418	0,00%	4,83%	1174	0,00%	12,94%
Phân theo thời gian						
Ngắn hạn	81	-2,79%	1,17%	873	-0,33%	12,46%
Trung, dài hạn	337	2,79%	19,46%	301	0,33%	14,55%
Phân theo ngành						
Nông nghiệp	307	-0,84%	3,87%	788	-2,72%	9,56%
Trồng trọt	61	-2,35%	1,07%	356	-3,78%	6,19%
Chăn nuôi	46	-0,69%	2,04%	662	3,56%	28,82%
Lâm nghiệp	-20	-0,23%	-86,96%	-3	-0,03%	100,00%
Thủy sản	12	0,01%	5,29%	6	-0,24%	2,51%
Tiểu thủ công nghiệp	-13	-0,18%	-20,00%	-2	-0,09%	-3,85%
Thương mại dịch vụ	32	0,23%	14,41%	88	0,54%	34,65%
Ngành khác	100	1,00%	54,35%	297	2,54%	104,58%

Xét về quy mô số lượng hộ sản xuất được vay vốn của Ngân hàng ngày càng được mở rộng, số lượng hộ sản xuất và số tiền cấp tín dụng đều tăng qua các năm. Trước tình trạng các NHTM gặp khó khăn trong vấn đề cho vay thì sự tăng trưởng của Agribank Tiên Lãng là một điểm đáng ghi nhận. Từ năm 2012 đến năm 2014 số lượng hộ vay tăng lên là 1592 hộ tương đương với tốc độ tăng trưởng là 18.39%. Xét theo thời gian vay: Các hộ xin vay ngắn hạn là chủ yếu, vay trung dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ. Nguyên nhân là do phương án sản xuất kinh doanh của các hộ đều mang tính ngắn hạn, thời vụ. Các phương án sản xuất mang tính dài hạn còn hạn chế. Nhìn về giá trị tuyệt đối, thì số lượng hộ sản xuất vay ngắn hạn và trung dài hạn đều tăng lên. Tuy nhiên, tốc độ tăng của vay trung dài hạn nhanh hơn. Năm 2013 tốc độ tăng trưởng hộ vay ngắn hạn tăng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.17% trong khi đó vay trung, dài hạn tăng 19.46%. Như vậy tốc độ tăng trưởng của số hộ vay trung dài hạn gấp 16.6 lần so với hộ vay ngắn hạn. Năm 2014, tốc độ tăng trưởng của hộ vay ngắn hạn đạt 12.46% nhưng vẫn thấp hơn so với việc vay trung và dài hạn.

Qua số liệu này nhận thấy giữa tỷ trọng vay ngắn hạn và trung dài hạn đang có sự chuyển dịch lẫn nhau, các hộ đã và đang chú trọng tới các phương án sản xuất kinh doanh dài hạn, việc này giúp cho nguồn vốn của Ngân hàng có tính ổn định cao.

Xét theo nhóm ngành nghề. Từ năm 2012 tới năm 2014 số lượng hộ đầu tư cho nhóm ngành thương mại dịch vụ và nhóm ngành khác có tốc độ tăng trưởng nhiều nhất. Cụ thể, năm 2014 số hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ có tốc độ tăng trưởng là 34.65%, ngành khác tăng 104.58% so với năm 2013. Số hộ nuôi thủy sản ở huyện Tiên Lãng cũng tăng lên, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng còn chậm. Năm 2013 tốc độ tăng trưởng đạt 5.29% nhưng năm 2014, tỷ lệ tăng trưởng lại giảm xuống còn 2.51%. Nguyên nhân hộ nuôi thủy sản có tốc độ tăng trưởng giảm là do mấy năm trở lại đây, việc nuôi thủy sản gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh, thời tiết dẫn tới việc ngân hàng e ngại cho các dự án nuôi thủy sản của các trang trại. Hộ sản xuất nông nghiệp tăng lên qua các năm, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng chậm, có xu hướng giảm về mặt tỷ trọng. Trong nhóm ngành nông nghiệp, thì hộ chăn nuôi có xu hướng tăng nhanh hơn hộ trồng trọt. Các sản phẩm hộ chăn nuôi tạo ra được ưa chuộng, đáp ứng nhu cầu sử dụng tại chỗ và cung cấp cho một số khu vực lân cận. Thu nhập của ngành chăn nuôi cũng cao hơn so với ngành trồng trọt. Bên cạnh đó số hộ vay vốn làm lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có xu hướng giảm đáng kể. Nguyên nhân là do thu nhập của nhóm ngành này thấp, dự án kém khả thi, nếu Ngân hàng cho vay sẽ gặp rủi ro.

Dư nợ bình quân của hộ gia đoạn 2012- 2014 có xu hướng tăng lên. Dư nợ bình quân năm 2012 là 18.47 triệu, năm 2013 là 21 triệu, và 23.03 triệu vào năm 2014. Tuy dư nợ bình quân tăng lên nhưng vẫn thấp. Điều này chứng tỏ còn nhiều hộ gia đình chưa được vay vốn Ngân hàng.

2.3.5. Chất lượng cho vay hộ sản xuất.

2.3.5.1. Dư nợ quá hạn cho vay hộ sản xuất.

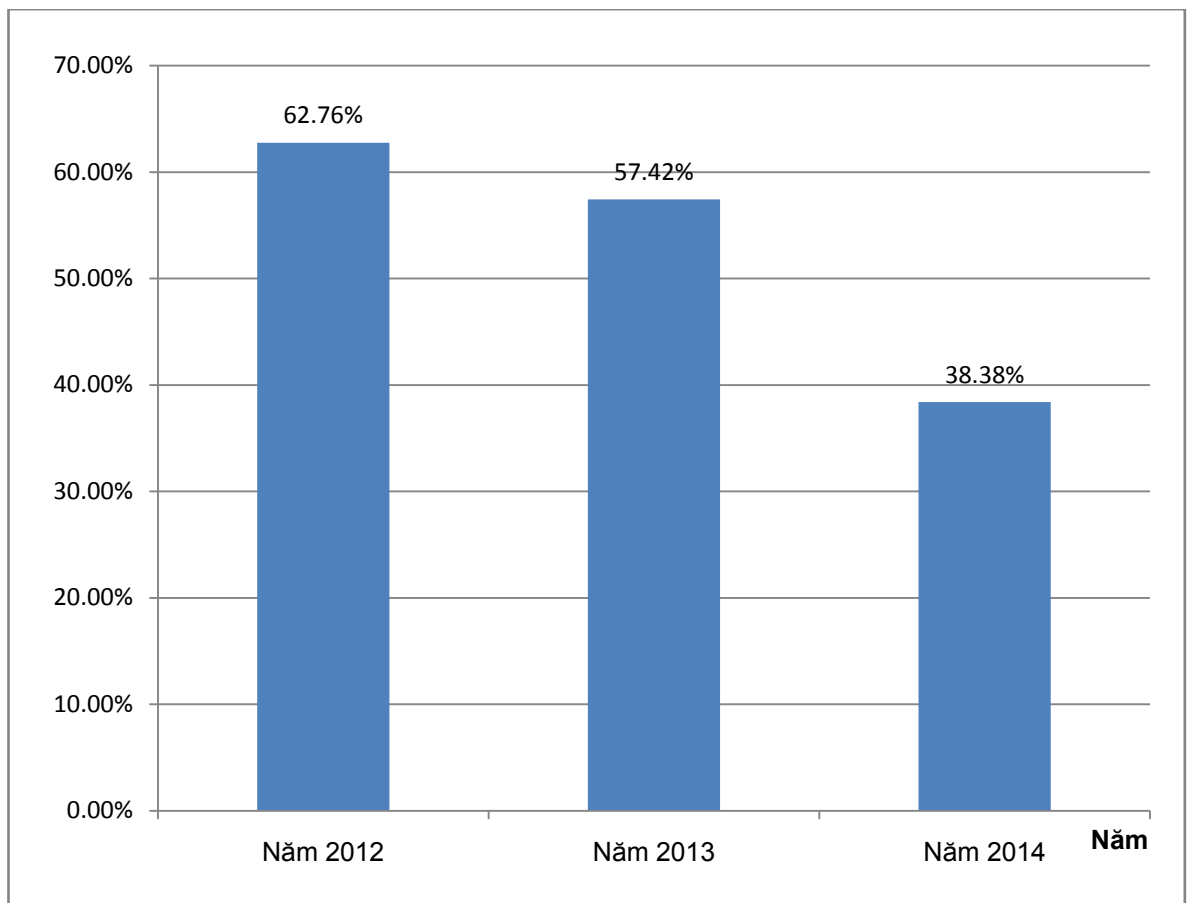
Từ những năm 1993 NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng bắt đầu mở rộng cho vay hộ sản xuất. Do thiếu kinh nghiệm, thiếu bài bản hướng dẫn, trình độ còn hạn chế nên việc cho vay những năm 90 chủ yếu chạy theo dư nợ để có doanh thu cao, từ đó có thu nhập cao. Việc kiểm tra, kiểm soát yếu kém, cán bộ tín dụng lại tiêu cực nên 2 năm 1998 - 1999 nợ quá hạn hộ sản xuất đến trên 30% tổng dư nợ, đó là chưa kể nhiều món vay được gia hạn nợ nhiều lần không chuyển sang nợ quá hạn. Đến cuối tháng 6/2000 nợ quá hạn hộ sản xuất của NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng là 11,6 tỷ đồng (chiếm 32,6% trong tổng dư nợ hộ sản xuất). Trong đó có nhiều món nợ khó đòi, cho vay từ các năm 1994 - 1996. Nếu chuyển nợ quá hạn đúng chế độ thì tỷ lệ nợ quá hạn còn cao hơn nữa. Bên cạnh đó còn có nguyên nhân từ các hộ sản xuất ở Thanh Trì cũng gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, do bỡ ngỡ khi mới bước vào kinh doanh theo cơ chế thị trường, hành lang pháp lý còn quá lỏng lẻo.... Từ những năm 2001 NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng đã tập trung cao độ vào việc phấn đấu giảm tỷ lệ nợ quá hạn. Tuy nhiên, đó là cả 1 quá trình dài và diễn biến tình hình nợ quá hạn hộ sản xuất giảm qua các năm. Như vậy chất lượng cho vay hộ sản xuất ngày càng được nâng cao. Dư nợ quá hạn của hộ sản xuất của Agribank Tiên Lãng giai đoạn 2012- 2014 như sau:

Bảng 10: Số dư nợ quá hạn của hộ sản xuất tại Agribank Tiên Lãng

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Tổng số nợ quá hạn của NH	1.861	100%	2.348	100%	4.708	100%
Nợ quá hạn của hộ sản xuất	1.168	62.76%	1.348	57.42%	1.807	38.38%

(Nguồn: Phòng tín dụng NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Tiên Lãng)



Biểu đồ thể hiện tỷ trọng nợ quá hạn của hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy số dư nợ quá hạn tăng lên về số tuyệt đối nhưng giảm về số tương đối. Cụ thể năm 2012 số dư nợ quá hạn là 1168 triệu chiếm 62.76% trong tổng số dư nợ quá hạn của Ngân hàng. Năm 2013 số dư nợ quá hạn là 1348 triệu, tăng 180 triệu chiếm 57.42%. Như vậy tỷ trọng số dư nợ quá hạn năm 2013 giảm 5.34% so với năm 2012. Tốc độ tăng của nợ quá hạn của hộ sản xuất năm 2012 là 15.41% thấp hơn nợ quá hạn của toàn Ngân hàng là 26.16%. Năm 2014 nợ quá hạn là 1807 triệu tăng 459 triệu so với năm 2013, chiếm 38.38% trong tổng nợ quá hạn của Ngân hàng.

Tuy tỷ trọng nợ quá hạn năm này giảm 19.04% nhưng tốc độ tăng trưởng tới 34.05%, tăng gấp 2.21 lần so với năm 2013. Điều này cũng phù hợp với tình hình thực tế vì mức dư nợ của hộ sản xuất luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng dư

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nợ của Ngân hàng. Nợ quá hạn của hộ sản xuất tăng lên là do những nguyên nhân sau:

Bảng 11: Nợ quá hạn của hộ sản xuất phân theo nguyên nhân giai đoạn 2012-2014

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Tổng số nợ quá hạn	1.168	100%	1.348	100%	1.807	100%
Nguyên nhân						
Chủ quan (NH & KH)	499,90	42,80%	502	37,24%	647,45	35,83%
Khách quan	668,1	57,20%	846	62,76%	1.159,6	64,17%
Thiên tai	216,31	18,52%	260,70	19,34%	387,96	21,47%
Thua lỗ	263,97	22,60%	406,42	30,15%	574,99	31,82%
Khác (chết, mất tích)	187,81	16,08%	178,88	13,27%	196,60	10,88%

(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

Bảng 12: Sự biến động của nợ quá hạn hộ sản xuất phân theo nguyên nhân giai đoạn 2012-2014.

Đơn vị: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	So sánh					
	Năm 2012-2013			Năm 2013-2014		
	Số tiền	Tỷ trọng	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ trọng	Tỷ lệ
Tổng số nợ quá hạn	180,00		15,41%	459		34,05%
Nguyên nhân						
Chủ quan (NH & KH)	2,09	-5,56%	0,42%	145	-1,41%	28,97%
Khách quan	177,91	5,56%	26,63%	314	1,41%	37,06%
Thiên tai	44,39	0,82%	20,52%	127	2,13%	48,81%
Thua lỗ	142,45	7,55%	54,0%	169	1,67%	41,48%
Khác (chết, mất tích)	-8,93	-2,81%	-4,76%	18	-2,39%	9,91%

Qua bảng phân loại trên ta thấy nợ quá hạn của hộ sản xuất tăng lên là do 2 nguyên nhân chủ quan và khách quan. Nguyên nhân chủ quan làm dư nợ quá hạn tăng lên là do lỗi của bản thân Ngân hàng và một phần của khách hàng.

Nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan tăng về số tuyệt đối nhưng giảm về số tương đối. Cụ thể năm 2012 nợ quá hạn do chủ quan là 499.9 triệu chiếm 42.8%. Năm 2013 nợ quá hạn do nguyên nhân này tăng 2.09 triệu tương đương với tốc độ tăng là 0.42%, tuy nhiên tỷ trọng nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan giảm 5.56% so với năm 2012. Ở năm 2014, nợ quá hạn do chủ quan tăng 145 triệu tương đương với tốc độ tăng là 28.97% so với năm 2013. Tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng năm 2014 tăng với tốc độ là 12.94% trong khi đó nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan lại tăng tới 28.97%, con số này là tình trạng lo ngại đối với Ngân hàng.

Nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan đã phản ánh được khả năng cho vay và đánh giá khách hàng của cán bộ tín dụng còn nhiều hạn chế. Sự hạn chế của cán bộ tín dụng đầu tiên phải nhắc đến là trình độ. Mặc dù tất cả các cán bộ tín dụng tại Agribank Tiên Lãng đều tốt nghiệp Đại học nhưng không đi sâu về lĩnh vực Ngân hàng, đang trong quá trình học chuyên tu, bổ sung chuyên môn. Vì vậy việc đánh giá sự khả quan các phương án sản xuất kinh doanh của các hộ chưa được chính xác cao, đánh giá và phân loại TSĐB còn lỏng, khâu thẩm định còn nhiều thiếu sót. Hơn hết cán bộ tín dụng trẻ nên thiếu kinh nghiệm xử lý các sự cố khi phát sinh. Mặt khác thể hiện sự tác động và ảnh hưởng trực tiếp mặt trái của cơ chế thị trường tại đô thị lớn tới các hộ sản xuất ngoại thành cũng như cán bộ Ngân hàng là rất nặng nề.

Nợ quá hạn do nguyên nhân khách quan bao gồm những nguyên nhân như thiên tai, dịch bệnh, mất tích, làm ăn thua lỗ do những dự án sản xuất kinh doanh không hiệu quả. Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu gây ra nợ quá hạn cho Ngân hàng. Nợ quá hạn do nguyên nhân khách quan tăng trong giai đoạn 2012-2014. Cụ thể năm 2012 nợ quá hạn là 668.1 triệu chiếm 57.2%, năm 2013 tăng 26.63% tương đương 177.91 triệu. Nợ do nguyên nhân khách quan năm 2013

tăng gấp 63.4 lần so với nguyên nhân chủ quan. Nợ quá hạn năm 2014 là 1159.6 triệu tức là tăng 314 triệu so với năm 2013. Nếu như nợ quá hạn do nguyên nhân khách quan không được khắc phục sẽ gây thiệt hại lớn cho Ngân hàng. Rủi ro mà Ngân hàng phải gánh chịu khá nặng nề. Từ năm 2012 đến năm 2014 nợ quá hạn đã tăng với tỷ lệ 26.88%. Nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan chiếm 0.77% trong tổng dư nợ đối với hộ sản xuất. Mặc dù con số này nhỏ và vẫn nằm trong tỷ lệ an toàn. Tuy nhiên nếu kiểm soát được con số này sẽ giúp Ngân hàng nâng cao chất lượng tín dụng hạn chế được rủi ro, và đáp ứng ngày càng cao nhu cầu vay của hộ sản xuất. Trong nguyên nhân chủ quan thì tác nhân chính gây lên nợ quá hạn là do thiên tai và làm ăn thua lỗ. Nợ quá hạn do thiên tai tăng lên với tốc độ khá nhanh. Cụ thể năm 2013 tốc độ tăng là 20.52%, năm 2014 tốc độ tăng nhảy vọt là 48.81% so với năm 2013. Do các hộ sản xuất phần lớn là trồng trọt chăn nuôi nên phụ thuộc nhiều vào thời tiết. Mà thời tiết trong vài năm trở lại đây khá khắc nghiệt, những cơn bão năm 2012 đã cướp đi của bà con hàng nghìn tấn tôm cá, hàng trăm ha hoa màu. Mùa đông đến muộn, độ ẩm cao làm giảm năng suất cây vụ đông. Rồi tình trạng khô hạn kéo dài làm cho trồng trọt chờ lên khó khăn.

Sản xuất kinh doanh bị thua lỗ cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản làm nợ quá hạn tăng lên. Nguyên nhân của việc thua lỗ trên là do đầu tư vào các dự án sản xuất kinh doanh kém khả thi. Trong quá trình sản xuất, chi phí nguyên liệu đầu vào mất nhiều, mà sản phẩm tạo ra tiêu thụ kém, giá thành hạ. Cụ thể như khoai tây, dưa hấu, vải, nhãn... giá thành tiêu thụ khá thấp. Chính vì lẽ đó mà một số hộ không đủ khả năng hoàn trả nợ cho ngân hàng. Dẫn đến một số hộ có ý định chạy nợ. Vụ cưỡng chế đất đai của ông Đoàn Văn Vươn năm 2012 cũng để lại khoản nợ khá lớn cho Ngân hàng. Từ khi triển khai gói bảo hiểm bảo an tín dụng vào giữa năm 2012, thì rủi ro do khách hàng tử vong đã không để lại hậu quả cho Ngân hàng. Như vậy việc cho vay hộ sản xuất gặp khá nhiều rủi ro mà Ngân hàng không lường trước các rủi ro xảy ra. Qua đây ta thấy

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

chất lượng cho vay hộ sản xuất của Agribank Tiên Lãng chưa được cải thiện, vẫn tiềm ẩn những rủi ro.

- Nợ quá hạn phân theo thời gian

Bảng 13: Nợ quá hạn phân theo thời gian giai đoạn 2012-2014

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Nợ quá hạn đến 180 ngày	151,56	14,83%	195,60	17,34%	204,94	15,68%
Ngắn hạn	88,607	8,67%	130,06	11,53%	120,37	9,21%
Trung, dài hạn	62,96	6,16%	65,54	5,81%	84,56	6,47%
Nợ quá hạn từ 181-360 ngày	111,30	10,89%	115,06	10,20%	160,11	12,25%
Ngắn hạn	64,79	6,34%	81,554	7,23%	111,88	8,56%
Trung, dài hạn	46,50	4,55%	33,50	2,97%	48,23	3,69%
Nợ quá hạn trên 360 ngày	759,14	74,28%	817,35	72,46%	942,0	72,07%
Ngắn hạn	540,02	52,84%	583,18	51,70%	667,35	51,06%
Trung, dài hạn	219,12	21,44%	234,17	20,76%	274,6	21,01%
Tổng cộng	1.022	100%	1.128	100%	1.307	100%

(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

Đây là các khoản nợ quá hạn thuộc nhóm 3,4,5. Theo số liệu phân loại nợ quá hạn theo thời gian ta thấy nợ quá hạn tăng lên qua các năm. Tới tháng 12-2014 nợ quá hạn là 1.307 triệu tăng 285 triệu tương đương với 2,79% so với năm 2012. Tuy tốc độ tăng không nhiều và nhỏ hơn tốc độ tăng của dư nợ, nhưng nó ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng tín dụng của Ngân hàng. Điều này cho thấy những giải pháp Ngân hàng đề ra để kiểm soát nợ trong giai đoạn này hiệu quả không cao. Kể từ năm 2012 nợ quá hạn trên 360 ngày (nợ có khả năng mất vốn) luôn chiếm tỷ trọng cao trên 72%. Nợ quá hạn của nhóm này tăng về số tuyệt đối, giảm về mặt tỷ trọng nhưng không đáng kể, năm 2012 chiếm 74,28%, năm 2014 giảm xuống còn 72,07%. Đây chủ yếu là do các khoản nợ cho vay theo dự án WB chưa có nguồn xử lý. Đó là hậu quả của việc không tách bạch giữa nhiệm vụ kinh doanh và thực hiện chính sách xã hội những năm trước đây đồng thời cũng nói lên được khả năng tài chính của Agribank Tiên Lãng còn

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hạn chế, cho thấy rủi ro tín dụng lớn. Nhóm nợ quá hạn tới 180 ngày và từ 181-360 ngày có sự biến động thất thường. Nhóm nợ nghi ngờ có tỷ trọng nhỏ nhất trong tổng dư nợ quá hạn của Ngân hàng.

- Nợ quá hạn phân theo loại vay và ngành sản xuất

Bảng 14: Nợ quá hạn phân theo thời gian và ngành sản xuất tại Agribank Tiên Lãng

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Tổng số dư nợ quá hạn	1.168	100%	1.348	100%	1.807	100%
Phân theo thời gian						
Ngắn hạn	789,33	67,58%	921,22	68,34%	1.208,3	66,87%
Trung, dài hạn	378,67	32,42%	426,78	31,66%	598,66	33,13%
Phân theo ngành						
Nông nghiệp	334,63	28,65%	347,51	25,78%	463,31	25,64%
Trồng trọt	100,1	8,57%	111,34	8,26%	134,98	7,47%
Chăn nuôi	234,53	20,08%	236,17	17,52%	328,33	18,17%
Lâm nghiệp	50,69	4,34%	55,81	4,14%	69,39	3,84%
Thủy sản	261,40	22,38%	329,86	24,47%	449,76	24,89%
Tiểu thủ công nghiệp	88,07	7,54%	90,05	6,68%	116,01	6,42%
Thương mại dịch vụ	333,58	28,56%	376,5	27,93%	500	27,67%
Ngành khác	99,63	8,53%	148,28	11,00%	208,53	11,54%

(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

Xét theo thời gian, nợ quá hạn của cho vay ngắn hạn là chủ yếu, chiếm trên 65%. Nợ quá hạn của cho vay trung dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ hơn. Đây là đặc trưng riêng của huyện ngoại thành, sản xuất không ổn định, không thể cạnh tranh với kinh tế ngoại thành. Như vậy việc sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn các hộ bị thua lỗ nên mất khả năng trả nợ của Ngân hàng.

Nếu xét theo ngành của hộ sản xuất, thì nợ quá hạn của tất cả các ngành có xu hướng tăng lên, chiếm tỷ trọng nợ quá hạn cao vẫn là ngành thủy sản và thương mại dịch vụ. Nguyên nhân nợ quá hạn tăng lên là do từ cuối năm 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

trở lại, kinh tế gặp nhiều khó khăn, nên các hộ sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng trực tiếp. Các hộ kinh doanh nhỏ lẻ không mấy thuận lợi, các sản phẩm nông nghiệp làm ra khó tiêu thụ do cạnh tranh về giá cả và dịch vụ. Thời tiết khắc nghiệt nên việc nuôi thủy sản không đem lại năng suất cao. Như vậy việc mở rộng cho vay hộ sản xuất phải đi đôi với việc kiểm soát nợ quá hạn để tránh gặp những rủi ro gây tổn thất cho Ngân hàng. Nếu tình trạng nợ quá hạn tiếp tục tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng tín dụng của Ngân hàng.

- Nợ quá hạn phân theo TSDB

Bảng 15: Nợ quá hạn phân theo TSDB tại Agribank Tiên Lãng

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Tổng số nợ quá hạn	1.168	100%	1.348	100%	1.807	100%
Nợ quá hạn không có TSDB	897,49	76,84%	910,71	67,56%	1.180,7	65,34%
Nợ quá hạn có TSDB	270,51	23,16%	437,29	32,44%	626,31	34,66%

(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

Qua số liệu của bảng trên cho thấy nợ quá hạn hộ sản xuất của NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng chủ yếu là loại không có tài sản đảm bảo tiền vay, tỷ trọng nợ quá hạn không có tài sản đảm bảo giảm dần nhưng vẫn còn rất cao. Nợ quá hạn không có TSDB chủ yếu tồn đọng của các hộ nghèo, cận nghèo thông qua các chính sách vay vốn của địa phương. Nợ quá hạn có TSDB tăng lên qua các năm cho thấy vai trò vô cùng quan trọng của cán bộ tín dụng trong việc thẩm định các khoản cho vay. Giải quyết hài hòa giữa việc mở rộng tín dụng hộ sản xuất và các biện pháp đảm bảo tiền vay là một việc làm phức tạp, đa dạng và cần có một chiến lược cụ thể đối với từng đối tượng khách hàng.

2.3.5.2. Vòng quay vốn tín dụng

Bảng 16: Vòng quay vốn tín dụng hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

Đơn vị: vòng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Doanh số thu nợ	196.706	240.490	250.192
Dư nợ bình quân	159.952	190.580	236.073
Vòng quay vốn tín dụng	1,23	1,26	1,06

(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

Vòng quay vốn tín dụng đối với hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng tương đối cao. Vì vậy mà Ngân hàng không rơi vào tình trạng ứ đọng vốn. Doanh số thu nợ đối với hộ sản xuất năm 2014 tăng hơn so với năm 2013. Tuy nhiên tốc độ tăng không nhiều nên vòng quay vốn tín dụng có xu hướng giảm. Dư nợ bình quân đối với hộ sản xuất tuy tăng qua các năm nhưng không nhiều. Dư nợ bình quân vẫn ở mức thấp.

2.3.5.3. Hiệu suất sử dụng vốn

Bảng 17: Hiệu suất sử dụng vốn đối với hộ sản xuất tại chi nhánh Agribank Tiên Lãng

Đơn vị: %

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Dư nợ cho vay	159.952	190.580	236.073
Nguồn vốn huy động	168.248	283.198	380.793
Hiệu suất	95,07%	67,30%	62,00%

(Nguồn: Phòng tín dụng - Chi nhánh Agribank Tiên Lãng)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy hiệu suất sử dụng vốn đối với hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng có xu hướng giảm. Nguyên nhân là do dư nợ cho vay đối với hộ sản xuất tăng chậm qua các năm so với nguồn vốn huy động được. Bên cạnh đó, các phương án sản xuất kinh doanh của hộ không khả

thì, việc sản xuất gặp nhiều rủi ro nên Ngân hàng dần e ngại trong việc cho vay hộ sản xuất mà tìm đến đối tượng khách hàng mới,

2.3.5.4. Xử lý nợ quá hạn cho vay hộ sản xuất

Nợ xấu xảy ra, có nhiều nguyên nhân: khách quan (thiếu hiểu biết của bên vay, vượt tầm kiểm soát của Ngân hàng, yếu tố bên ngoài khác...), chủ quan (bên vay không tuân thủ các quy định quản lý nợ vay của Ngân hàng, hoặc Ngân hàng đã không giám sát chặt chẽ tính tuân thủ các bên trong suốt thời gian sử dụng vốn... Vậy khi nợ xấu xảy ra Ngân hàng tiến hành xử lý như sau:

- Chuyển nhóm nợ

Đây là việc làm đầu tiên của Ngân hàng. Cán bộ tín dụng phụ trách tiến hành chuyển nhóm nợ của khách hàng, thông báo cho khách hàng về nợ quá hạn, đơn đốc khách hàng trả nợ, thông báo tình trạng nợ của khách hàng với địa phương, kênh thông tin khách hàng tại Ngân hàng. Đồng thời khi chuyển nhóm nợ, cán bộ tín dụng phải tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới nợ quá hạn để có phương án xử lý thích hợp nhằm hạn chế tổn thất cho cả hai bên.

- Cơ cấu lại nợ

Ngân hàng sẽ tiến hành cơ cấu lại nợ cho khách hàng trong trường hợp nợ xấu là khách quan (đối với hộ sản xuất có thể là do thiên tai, dịch bệnh...) và quan trọng trong tương lai bên vay có đủ khả năng trả nợ: Ví dụ trong 3 tháng nữa, sản phẩm sẽ được thu hoạch và tiền được thanh toán một lần. Khách hàng cho Ngân hàng thấy được điều này thì việc xử lý nợ xấu sẽ thực hiện giãn nợ cho khách hàng thêm thời gian là 3 tháng. Tuy nhiên sau 3 tháng mà khách hàng vẫn không hoàn trả nợ cho Ngân hàng thì buộc Ngân hàng phải có biện pháp để thu hồi nợ.

- Thu hồi nợ thông qua xử lý TSĐB

Cách làm tốt nhất là phía Ngân hàng sẽ thuyết phục bên vay tự nguyện bán tài sản để trả nợ vì biện pháp này ít tốn kém nhất, rút ngắn thời gian xử lý và giảm bớt số tiền lãi phải trả đồng thời cũng giảm được thiệt hại cho cả hai bên.

Ngân hàng sẽ tiến hành khởi kiện trong trường hợp bên vay sẽ không tự nguyện bán tài sản, Biện pháp này rất mất thời gian vì phải trải qua nhiều thủ tục pháp lý phức tạp, mà việc khởi kiện không nhanh thì chất lượng TSĐB có nguy cơ giảm và nợ xấu lại có nguy cơ tăng cao.

- Sử dụng quỹ dự phòng

Dùng quỹ dự phòng để xử lý: Thực hiện đúng quy định hoạt động của luật tổ chức tín dụng là việc sử dụng quỹ dự phòng trước đó đã trích lập để bù đắp các khoản nợ không thu hồi được.

2.4. Đánh giá

2.4.1. Những mặt đạt được

- Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thị trường vốn và lãi suất biến động liên tục song kết quả hoạt động và kinh doanh của ngân hàng vẫn tiếp tục phát triển và ổn định.
- Nguồn vốn huy động có mức tăng trưởng cao, tăng qua các năm.
- Hoạt động tín dụng ngày càng được mở rộng và nâng cao.
- Hình ảnh Agribank luôn chiếm được lòng tin của nhân dân
- Trong suốt những năm qua tập thể Agribank luôn đoàn kết nhất trí, cùng nhau phát triển, không có cán bộ nào vi phạm kỉ luật, Agribank luôn giữ vững đơn vị trong sạch, 7 năm liên tiếp, ngân hàng luôn đứng thứ 2 toàn thành phố.

2.4.2. Những mặt tồn tại

- Dư nợ trung bình đối với hộ sản xuất còn thấp so với dư nợ của nhóm khách hàng khác.
- Nguồn vốn cho vay chưa đáp ứng kịp nhu cầu vay của khách hàng cụ thể là hộ sản xuất.
- Việc đầu tư cho hộ sản xuất vay ngắn hạn là chủ yếu, việc đầu tư cho vay trung dài hạn còn thấp so với dư nợ ngắn hạn.
- Đối tượng khách hàng chủ yếu là hộ sản xuất trong huyện.
- Danh mục TSĐB bị hạn chế, chủ yếu của TSĐB vẫn là quyền sử dụng đất.
- Đội ngũ cán bộ tín dụng khá trẻ nên thiếu kinh nghiệm thực tế, chưa đảm bảo về mặt chuyên môn.
- Dư nợ quá hạn hộ sản xuất tăng qua các năm.

2.4.3. Nguyên nhân của những mặt tồn tại

Những hạn chế tồn tại tại NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan:

Tiên Lãng là huyện nằm ở ngoại thành nên có tốc độ đô thị hoá nhanh, diện tích đất canh tác của người nông dân luôn bị thu hẹp do xây dựng các khu công

ngiệp, khu dân cư tập trung hay các trung cư mới và xây dựng các tuyến đường giao thông. Diện tích đất canh tác bị thu hẹp làm cho sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp theo trong khi người lao động bị "mất đất", ngành nghề mới không được phát triển, lao động không được đào tạo. Vì thế nhu cầu vay vốn đến sản xuất kinh doanh không lớn.

Trong ba năm liên tiếp Nguồn vốn huy động của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng luôn nhỏ hơn dư nợ cho vay. Vì nguồn vốn eo hẹp nên Ngân hàng không đáp ứng hết nhu cầu vay vốn của hộ sản xuất, nhất là những phương án vay vốn trung, dài hạn.

Còn một số sai phạm trong cho vay như sử dụng vốn sai mục đích, vay hộ nhau, đảo nợ... một phần do cán bộ tín dụng chưa sâu sắc, ngại khó, tin vào khách hàng, một số khác do quan hệ họ hàng, làng xóm, nể nang nhau khi giải quyết cho vay,... Qua kiểm tra, kiểm soát đã phát hiện và khắc phục nhưng cũng là một nguyên nhân làm cho nợ quá hạn vẫn tồn tại (dù là rất nhỏ),

Hộ sản xuất đa phần là hộ nông nghiệp vì vậy mà các phương án sản xuất gặp nhiều rủi ro, vì vậy Ngân hàng dần e ngại trong cho vay hộ sản xuất.

Nhiều khách hàng chây ì không trả nợ mặc dù có khả năng trả nợ. Sau khi hoạt động giải ngân diễn ra thì việc trả nợ phụ thuộc hoàn toàn vào khách hàng Ngân hàng không có gì ràng buộc khách hàng để trả nợ đối với các khoản vay dưới 10 triệu đồng không phải thế chấp bằng tài sản. Số hộ này có tư tưởng trông chờ vào Nhà nước xoá nợ hoặc không sợ Ngân hàng xiết nợ (vì khi vay không có tài sản đảm bảo). Số khách hàng này thường tập trung vào một số khu vực nhất định, thậm chí còn vận động nhau không trả nợ Ngân hàng. Tình hình trên làm cho nhiều cán bộ tín dụng e ngại khi cho vay và không dám mạnh dạn cho vay.

**CHƯƠNG 3, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHO VAY
ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TẠI CN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN TIÊN LÃNG**

**3.1. Định hướng cho vay hộ sản xuất của Chi nhánh NHNo & PTNT
huyện Tiên Lãng giai đoạn 2015-2020,**

3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế huyện Tiên Lãng

Không khuất phục trước những điều kiện tự nhiên bất lợi, trái lại bằng việc tăng cường các biện pháp thâm canh, đưa cây trồng mới có giá trị kinh tế cao vào sản xuất, phát triển thủy sản, đầu tư các làng nghề... người dân huyện Tiên Lãng quyết tâm làm giàu trên chính quê hương mình.

Trong giai đoạn 2010-2020 huyện Tiên Lãng vẫn tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành CN - TTCN - XD và thương mại dịch vụ. Trong sản xuất nông nghiệp: giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi.

Do Tiên Lãng là một mảnh đất thuần nông, nên định hướng phát triển kinh tế của huyện vẫn lấy nông nghiệp làm trọng tâm. Trong mấy năm gần đây, được Ủy ban nhân dân thành phố triển khai các chương trình hỗ trợ trang bị máy làm đất, vận chuyển, tuốt, đập lúa, bơm nước, gặt, máy sấy nông sản... cộng với việc thực hiện dồn đổi ruộng đất, diện tích, năng suất các cây trồng chính đã dần tăng lên. Đồng thời, huyện Tiên Lãng cũng từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng tỷ trọng các loại cây có giá trị kinh tế cao, phục vụ xuất khẩu thay cho các cây trồng giá trị kinh tế thấp tự sản, tự tiêu. Trên cơ sở đó, huyện hình thành những vùng nguyên liệu nông sản phục vụ xuất khẩu quy mô nhỏ như: dưa chuột Nhật Bản, ớt ngọt, khoai tây Hà Lan, dưa hấu Mỹ... do Công ty Vật tư Nông nghiệp Hải Phòng trực tiếp cung ứng giống, vật tư, bao tiêu sản phẩm để xuất đi Đài Loan, Hồng Kông, cà chua cung cấp cho Nhà máy Chế biến Cà chua Xuất khẩu Hải Phòng.

Đối với ngành nuôi thủy sản huyện tập trung chuyển đổi diện tích vùng trồng lúa trũng cho năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản. Tuy diện tích chuyển đổi chưa nhiều nhưng lại cho sản lượng và lợi nhuận khá cao. Các hộ nuôi ở hai xã Tiến Minh, Bạch Đằng cũng phấn khởi hơn bởi trước kia cấy lúa cho năng suất thấp, tính 1ha trong 6 tháng cấy lúa cũng chỉ thu được cao nhất là

khoảng 10- 15 triệu đồng lợi nhuận. Nhưng cũng trên cùng một diện tích, chuyển sang nuôi trồng thủy sản bình thường cũng đã cho lợi nhuận khoảng từ 30-40 triệu đồng. Mô hình nuôi tôm càng xanh được nhân rộng theo xu hướng mới từ đất vùng khai thác nguồn lợi tự nhiên sang nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến, chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho nuôi thâm canh theo hướng công nghiệp hoá, chuyển từ nuôi trồng giống có giá trị kinh tế thấp sang các giống có giá trị kinh tế cao.

Đối với ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp huyện có chủ trương xây dựng các khu công nghiệp, tạo điều kiện công nghiệp phát triển, phát triển các làng nghề truyền thống và làng nghề mới. Để đạt được tỷ lệ tăng trưởng 17% - 18%/ năm.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

3.1.2. Định hướng cho vay hộ sản xuất

Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng định hướng tín dụng kinh tế hộ giai đoạn 2015-2020 theo hướng sau:

Bảo đảm tăng trưởng từng bước vững chắc, tăng trưởng dư nợ đi đôi với việc nâng cao chất lượng cho vay. Bảo đảm bình quân mỗi năm dư nợ tăng 20 - 25% và tỷ lệ nợ quá hạn giảm và xử lý triệt để nợ xấu tồn đọng.

Chi nhánh Agribank Tiên Lãng luôn bám sát các dự án kinh tế của huyện, cho vay chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Chú trọng cho vay các làng nghề, các hộ kinh doanh dịch vụ, thương mại, chế biến nông sản, cho vay thủy sản với các loại thủy sản cao cấp như tôm càng xanh, cá chim trắng, cá rô phi lai, mô hình nuôi ba ba... phục vụ địa phương, các tỉnh thành lân cận và xuất khẩu,

Chi nhánh Agribank Tiên Lãng chủ động kết hợp với tổ vay vốn ở các xã để tìm kiếm các hộ cho vay, vừa đảm bảo phát triển kinh tế địa phương, hoàn thiện chính sách xóa đói giảm nghèo đồng thời mang lại nguồn lợi nhuận cho Ngân hàng.

Hỗ trợ các hộ sản xuất vay theo chính sách ưu đãi giúp các hộ xóa đói, giảm nghèo.

Đầu tư vào các phương án sản xuất dài hạn của hộ sản xuất.

3.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng.

3.2.1. Nhóm giải pháp

3.2.1.1. Nâng cao đạo đức nghề nghiệp và trình độ cán bộ tín dụng

- Nâng cao đạo đức nghề nghiệp

Ở bất cứ ngành nghề nào thì đạo đức nghề nghiệp cũng luôn được đặt lên hàng đầu và ngành Ngân hàng cũng không là một trường hợp ngoại lệ.

Chi nhánh Agribank Tiên Lãng nằm ở ngoại thành vì vậy có rất nhiều tác nhân ảnh hưởng đến đạo đức nghề nghiệp của cán bộ tín dụng. Các tác nhân ấy có thể xuất phát từ quan hệ làng xóm, nể nang mà làm sai quy định trong việc cấp tín dụng và thu hồi nợ.

Cán bộ tín dụng thậm chí biết rõ là khách hàng không đủ khả năng trả nợ nhưng vẫn làm ngơ, vẫn tiếp tục cho khách hàng ký tiếp hợp đồng tín dụng thông qua việc đảo nợ cho khách hàng.

Cũng vì quan hệ thân quen mà các phương án sản xuất kinh doanh “bong bóng” xuất hiện chủ yếu là “vải thừa che mắt thánh” để hợp lý hóa điều kiện vay vốn.

Những trường hợp trên tuy xảy ra không nhiều nhưng nó ảnh hưởng trực tiếp tới đạo đức nghề nghiệp của cán bộ tín dụng. Đối với Chi nhánh Agribank Tiên Lãng thì đây chỉ là một hạn sạn nhưng nếu không có biện pháp cụ thể thì sẽ để lại hệ lụy cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và bản thân cán bộ tín dụng.

- Nâng cao trình độ cán bộ tín dụng

Trong mọi hoạt động kinh doanh con người luôn đóng vai trò là yếu tố tất yếu và quan trọng, nó góp phần lớn tạo nên hiệu quả hoạt động kinh doanh, Nâng cao trình độ cán bộ tín dụng là một trong những giải pháp thiết thực để nâng cao chất lượng tín dụng, cụ thể là nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất.

Ngân hàng cần xây dựng chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo tại chỗ, đào tạo theo các chương trình của khu vực cho cán bộ tín dụng. Tổ chức tốt việc phổ cập kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn, tổ chức tham quan học hỏi kinh nghiệm những nơi làm tốt công tác tín dụng. Mọi hình thức đào tạo đều phải có kiểm tra, viết thu hoạch,

Chi nhánh Agribank Tiên Lãng nên huyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ tín dụng tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc.

Ban giám đốc Ngân hàng cần xây dựng quy chế luân chuyển cán bộ định kỳ. Công bố định kỳ luân chuyển cán bộ thay thế để cán bộ cũ có điều kiện tự kiểm tra hoàn chỉnh các sai sót, trong khi đó cán bộ mới có điều kiện tiếp cận dần địa bàn mới, phân định trách nhiệm đối với cán bộ mới và cán bộ cũ trong việc thu nợ, xử lý nợ tồn đọng trên địa bàn hoạt động.

Giám đốc, Trưởng phòng tín dụng phải có kế hoạch kinh doanh cụ thể theo một thời gian nhất định. Phòng tín dụng thực hiện kế hoạch đề ra bằng việc giao khoán các chỉ tiêu cụ thể cho từng cán bộ tín dụng trên cơ sở chất lượng công tác tín dụng, hiệu quả đem lại và mức độ thực hiện các nhiệm vụ được giao. Phòng tín dụng cần xây dựng quy định thưởng phạt nghiêm minh: Khen thưởng, tăng thu nhập cho cán bộ tín dụng nếu làm tốt nhiệm vụ được giao, kiên quyết xử lý cán bộ có sai phạm do chủ quan, ngăn chặn kịp thời các tư tưởng tiêu cực phát sinh trong quá trình công tác.

Thông qua công đoàn, phát động các phong trào thi đua văn nghệ thể thao, một mặt để chăm sóc cho đời sống tinh thần của công nhân viên mặt khác để nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn.

3.2.1.2. Xử lý nợ xấu tồn đọng

Hầu hết các hộ sản xuất ở Tiên Lãng là hộ nông nghiệp vì vậy khi hoạt động sản xuất gặp rủi ro thì khả năng hoàn trả nợ cho Ngân hàng là rất khó khăn, họ không có bất kỳ một nguồn thu nào khác ngoài sự giúp đỡ của họ hàng, chính quyền địa phương.

Các khoản nợ xấu của hộ sản xuất còn tồn đọng tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng hầu hết là từ rất lâu rồi. Trước tình hình này Ngân hàng nên xem xét xử lý một cách triệt để, cụ thể như sau:

Đối với những hộ đã hoàn trả gốc, còn nợ lãi Ngân hàng cần xem xét, nếu thực sự hộ sản xuất không còn đủ khả năng trả nợ cho Ngân hàng thì nên chủ động xóa nợ cho hộ sản xuất. Đây chỉ là những khoản trả lãi nên số tiền không lớn, số lượng không nhiều vì vậy Ngân hàng cử đủ nguồn để bù đắp khoản thất thoát.

Đối với những hộ sản xuất quá nghèo, không đủ khả năng hoàn trả cả gốc và lãi thì Ngân hàng nên tiến hành khoan nợ cho hộ sản xuất, nhất là những hộ nuôi tôm (Quyết định số 540/QĐ-TTg của Chính phủ về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra,). Ngân hàng chủ động đề nghị với Chính phủ và đẩy những khoản nợ này ra khỏi bảng cân đối. Đến khi hộ sản xuất có đủ khả năng trả nợ thì các khoản này được đưa vào thành thu nhập bất thường.

3.2.1.3. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát

Mục đích của việc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát sẽ giúp cho Ngân hàng có được thông tin chính xác về thực trạng sản xuất kinh doanh của các hộ sản xuất đồng thời nắm bắt được mục đích sử dụng vốn vay, Công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên sẽ giúp cán bộ tín dụng giải quyết kịp thời các tình huống phát sinh...

Để công tác kiểm tra kiểm soát có hiệu quả thì Ban giám đốc Ngân hàng nên xây dựng và thiết lập một cơ chế vận hành hợp lý có hiệu quả để giám sát quá trình vận động của vốn tín dụng từ khi cho vay tới khi thu hồi được cả gốc và lãi.

Chi nhánh Agribank Tiên Lãng cần chú trọng đến cả những rủi ro bất ngờ không thể lường trước do những điều kiện khách quan hay chủ quan từ phía hộ sản xuất. Vì thế việc giám sát và kiểm tra sau vay đòi hỏi cấp thiết được đưa ra cho toàn hệ thống Ngân hàng nói chung và cho CBTD nói riêng. Muốn vậy việc kiểm tra, kiểm soát của Ngân hàng không nên chỉ dựa vào những số liệu, báo cáo do hộ sản xuất cung cấp. Mà chuyển vị trí từ bị động sang chủ động, nghĩa là phải giám sát chặt chẽ tình hình tài chính của các hộ. Từ đó có thể phát hiện kịp thời những tình huống có vấn đề và nguyên nhân của nó. trên cơ sở đó có thể giúp Ngân hàng đề ra các biện pháp khắc phục và bảo tồn vốn vay,

Giải pháp này cán bộ tín dụng có thể thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: kiểm tra định kỳ theo quy định, kiểm tra thường xuyên, đột xuất tại cơ sở của hộ sản xuất, kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng các tài sản thế chấp là bất động sản, kiểm tra từ các luồng thông tin có thể thu thập được. Mục đích của việc giám sát giúp Ngân hàng nắm được tình hình tài chính, tình hình sản xuất - kinh doanh, tình hình TSĐB, nắm được thời gian tiêu thụ sản phẩm để đôn đốc các hộ trả nợ kịp thời.

Trường phòng tín dụng phải xem xét kỹ việc thực hiện quy trình tín dụng, các yếu tố pháp lý của hồ sơ tín dụng, thực trạng nợ của Ngân hàng thông qua việc phân loại nợ, phát hiện những sai phạm để chấn chỉnh kịp thời, chống tiêu cực ngay trong cán bộ Ngân hàng. Kết quả kiểm tra phải được thông báo công khai, kịp thời cho các cấp lãnh đạo có liên quan, để có biện pháp xử lý kịp thời theo chức năng, nhiệm vụ được phân công,

Tăng cường công tác kiểm soát, kiểm toán trong nội bộ Ngân hàng để kịp thời ngăn chặn những sai sót gây tổn thất cho Ngân hàng. Công tác này diễn ra ngay trong nội bộ Ngân hàng coi sự kiểm soát của Ban giám đốc hay việc thanh tra giám sát của Ngân hàng cấp trên,

3.2.1.4. Giữ vững mối quan hệ với chính quyền, đoàn thể địa phương,

Đây được xem là giải pháp thiết thực nhất đối với những Ngân hàng nằm ở ngoại thành. Đối với Agribank Tiên Lãng thì đây là nhân tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến chất lượng tín dụng, được sự quan tâm hơn của chính quyền địa phương Ngân hàng càng vững tâm trong hoạt động kinh doanh của mình, Điều này đã giúp Ngân hàng mở rộng tín dụng và cải thiện chất lượng tín dụng, cho vay qua hội phụ nữ, hội cựu chiến binh... đã tạo điều kiện trong việc đầu tư tăng trưởng tín dụng.

Kinh nghiệm cho thấy ở các xã những nơi có sự chỉ đạo sâu sắc, phối hợp chặt chẽ mối quan hệ giữa Chính quyền địa phương với Ngân hàng, thì ở đó chất lượng tín dụng ngày càng được cải thiện: dư nợ tăng nhanh, nợ quá hạn thấp, nợ lãi tồn đọng ít, khách hàng đến với Ngân hàng ngày càng đông.

Giữ vững mối quan hệ với chính quyền, cơ quan đoàn thể của địa phương là một trong những giải pháp hữu hiệu nhất để nâng cao chất lượng tín dụng. Ban giám đốc NHNo & PTNT hằng năm cần tổ chức hội nghị với Chủ tịch huyện và các Chủ tịch xã thông báo kết quả hoạt động tín dụng trong năm qua, nói lên được những tồn tại, đặc biệt là việc đưa ra nguyên nhân từ phía chính quyền địa phương phối kết hợp để khắc phục. Đồng thời Ngân hàng nên tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoạt động tín dụng trong phạm vi toàn huyện để không ngừng cải thiện chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất.

Chi nhánh Agribank Tiên Lãng cần phối hợp với chính quyền địa phương, các đoàn thể tiến hành điều tra thống kê một cách có hệ thống, khoa học thông

tin về khách hàng cụ thể ở đây là các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Tổ chức theo dõi trên địa bàn tất cả các hộ gia đình một cách đơn giản, dễ hiểu và phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu như: khả năng sản xuất, lao động, khả năng tài chính, nhu cầu vay vốn.

3.2.1.5. Tăng cường huy động vốn

Ngân hàng thực hiện chức năng trung gian tín dụng thông qua việc huy động vốn để cho vay. Vì vậy, nguồn vốn huy động càng lớn càng đáp ứng đủ nhu cầu vay của khách hàng và mở rộng quy mô cho vay, đáp ứng nhu cầu vay dài hạn. Tuy nhiên, nếu nguồn vốn huy động lớn hơn nhu cầu vay thực tế sẽ gây ra tình trạng ứ đọng vốn.

Các biện pháp tăng cường huy động vốn của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng:

- Đối với nội bộ ngân hàng, các cán bộ, nhân viên đều được giao chỉ tiêu cụ thể để huy động vốn, là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong khoản lương. Điều này cũng tạo ra một mục đích phấn đấu để nhân viên nỗ lực, phát huy khả năng của bản thân.

- Tổ chức tiếp cận nhanh và phân tích thị trường vốn để đưa ra các hình thức huy động vốn thích hợp, nhiều tiện ích, phù hợp với nhiều đối tượng gửi tiền. Agribank hiện có các sản phẩm tiền gửi thích hợp cho mọi đối tượng như Tiết kiệm học đường cho trẻ từ 0 – 15 tuổi. Tiết kiệm gửi góp lâu dài...

- Chính sách Marketing: Thường xuyên tổ chức các cuộc họp tiếp xúc với các tổ chức đoàn thể, dân cư tại địa bàn để tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú như tờ rơi, băng giôn, phát thanh trên loa đài... Thành lập các tổ nhóm xuống từng nhà người dân để tuyên truyền vận động gửi tiết kiệm thay vì để tiền hoặc mua vàng cất trữ, do tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng.

3.2.1.6. Những giải pháp khác

- Xây dựng quy trình cho vay đối với hộ sản xuất.
- Đa dạng hóa danh mục TSĐB.
- Kết hợp giữa cho vay và tư vấn phương án sản xuất kinh doanh đối với hộ sản xuất.

Là cán bộ tín dụng chuyên về hộ sản xuất thì đòi hỏi phải am hiểu về các phương án sản xuất kinh doanh. Thông thường đối với các hộ sản xuất nằm ở ngoại thành thì trình độ sản xuất bị hạn chế về kiến thức, thiếu sự đổi mới. Vì

vậy khi cho vay cán bộ tín dụng nên tư vấn hạch toán phương án sản xuất kinh doanh để giảm thiểu rủi ro cho cả 2 bên.

- Triển khai đồng bộ gói bảo hiểm bảo an tín dụng

Gói bảo hiểm bảo an tín dụng đã được triển khai tại Agribank Tiên Lãng vào năm 2012. Gói bảo hiểm này có vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo tiền vay cho Ngân hàng khi các hộ đi vay gặp rủi ro về tính mạng. Bên bảo hiểm sẽ có trách nhiệm hoàn trả nợ của hộ sản xuất cho Ngân hàng. Như vậy Ngân hàng đã giảm được khả năng mất vốn. Ngân hàng nên triển khai đồng bộ đối với các khoản vay của hộ sản xuất

3.2.2. Đánh giá sự khả thi của các giải pháp khi áp dụng tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

Các giải pháp đưa trên đều có mục đích là tăng doanh số, tăng dư nợ cho vay đối với hộ sản xuất và giảm thiểu nợ quá hạn. Tuy nhiên các giải pháp đưa ra sẽ mất chi phí để thực hiện. Vì vậy để áp dụng những giải pháp đó Chi nhánh Agribank Tiên Lãng cần phải tìm kiếm nguồn kinh phí để bù đắp.

Mỗi một giải pháp đưa ra đều có ưu và nhược điểm riêng, vì vậy khi áp dụng các giải pháp phải cân nhắc một cách kỹ lưỡng ở từng thời điểm sẽ mang lại hiệu quả cao.

3.3. Kiến nghị cá nhân

3.3.1. Đối với NHNo & PTNT Việt Nam

NHNo & PTNT Việt Nam là Ngân hàng cấp I làm nhiệm vụ điều hành, quản lý các Chi nhánh trong 63 tỉnh thành cả nước, đồng thời là cầu nối giữa các chi nhánh tỉnh thành trong và ngoài hệ thống. Vì vậy NHNo & PTNT Việt Nam nên tiếp tục:

- Hoàn thiện, chỉnh sửa và ban hành mới quy trình cho vay hộ sản xuất, nâng cao năng lực quản trị điều hành theo hướng tập trung, thông tin trực tuyến
- Phân cấp, ủy quyền cho từng đơn vị một cách rõ ràng, có sự thống nhất giữa Ngân hàng cấp 1,2, 3...
- Xây dựng chế độ ưu tiên cho cán bộ tín dụng phụ trách cho vay hộ sản xuất và chính sách tín dụng ưu tiên đối với hộ sản xuất nghèo.

3.3.2. Đối với hội sở.

Hội sở là Ngân hàng cấp 2, nhận lệnh trực tiếp từ Ngân hàng cấp 1 và là Ngân hàng đứng đầu của 1 tỉnh, thành phố.

- Ưu tiên cấp đủ vốn tự có cho Chi nhánh Agribank Tiên Lãng, cấp vốn để bù đắp các khoản nợ tồn đọng đã được Chính phủ phê duyệt,
- Hỗ trợ tích cực cho việc tái cơ cấu lại hệ thống Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.
- Hỗ trợ các nguồn vốn ưu tiên cho vay hộ sản xuất

3.3.3. Đối với Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

- Tổ chức trao đổi, đánh giá và đúc kết các giải pháp nhằm mở rộng cho vay hộ sản xuất.

- Đa dạng hóa các sản phẩm cho vay
- Đa dạng hóa danh mục TSĐB
- Trau dồi chuyên môn cho cán bộ trẻ

3.3.4. Đối với cơ quan Chính quyền các cấp

- Hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế hộ sản xuất
- Xây dựng các biện pháp giúp đỡ các hộ nghèo
- Hoàn thiện cơ sở vật chất bao gồm điện, đường, trường, trạm;
- Hoàn thiện hành lang pháp lý quy định rõ ràng trách nhiệm của Ngân hàng và khách hàng

Kết luận

Chất lượng tín dụng nói chung và chất lượng cho vay hộ sản xuất nói riêng là vấn đề đang được các Ngân hàng đặc biệt quan tâm nhất là những Ngân hàng nằm ở các huyện ngoại thành. Tuy nhiên việc nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất vẫn chưa được nhiều Ngân hàng chú trọng. Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Tiên Lãng cũng không phải là một ngoại lệ trong vấn đề này. Từ những gì diễn ra trong thực tế, thông qua khóa luận tốt nghiệp em đã cố gắng giúp cho phòng tín dụng của Chi nhánh thấy được phần nào thực trạng chất lượng cho vay hộ sản xuất. Đồng thời dựa trên những kiến thức đã học, em đã đề xuất một số giải pháp góp phần khắc phục những khó khăn tồn tại và nâng cao chất lượng cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.

Sau một thời gian dài thực tập và nghiên cứu em hi vọng khóa luận tốt nghiệp của mình phục vụ được cho phòng tín dụng Chi nhánh Agribank Tiên Lãng, cải thiện được quan hệ tín dụng giữa hộ sản xuất với Ngân hàng. Bên cạnh đó khóa luận tốt nghiệp cũng được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng và những ai đam mê lĩnh vực này.

Dù bản thân đã rất cố gắng, nhưng do kiến thức có hạn, thiếu kinh nghiệm thực tế. Chính vì vậy em rất mong nhận được sự đóng góp của các anh chị trong Ngân hàng, các thầy cô giáo và bạn bè để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) PGS.TS Phan Thị Thu Hà(2013), Giáo trình Ngân hàng thương mại, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.
- 2) Nguyễn Tiên Trung, 2015, Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng của NHTM, <http://taichinhedu.com/index.php/13-luan-van-tot-nghiep/34-chi-tieu-danh-gia-hieu-qua-hoat-dong-tin-dung-cua-nhtm>. 11/06/20156
- 3) Quang Minh (2013). “Bàn về chất lượng sản phẩm tiêu dùng”, Tạp chí người tiêu dùng số 4/2013, trang 12,
- 4) Nguyễn Thị Hoa và Nguyễn Thế Bình (2014), Truyền thống Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiên Lãng, NXB Hải Phòng,
- 5) Quyết định số 666/QĐ-HĐQT-TĐHo ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng quản trị Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,
- 6) Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy định phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng,
- 7) Cổng thông tin điện tử Tiên Lãng.
<http://haiphong.gov.vn/Portal/Default.aspx?Organization=HTL>. 10/06/2015,
- 8) Tài liệu về Tài chính-Kế toán-Ngân hàng, <http://luanvan.co/luan-van/tai-chinh-ke-toan-ngan-hang/>. 20/06/2015
- 9) Sổ tay tín dụng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, 2013.
- 10) Các tài liệu tham khảo khác.

**TỔNG HỢP DANH SÁCH BẢNG BIỂU SỬ DỤNG TRONG
KHÓA LUẬN**

- 1) Bảng 1: Nguồn vốn huy động tại CNAgribank Tiên Lãng
- 2) Bảng 2: Tổng dư nợ cho vay của CN Agribank Tiên Lãng
- 3) Bảng 3: Cơ cấu nhóm nợ
- 4) Bảng 4. Doanh số cho vay hộ sản xuất CNAgribank Tiên Lãng
- 5) Bảng 5: Sự biến động của doanh số cho vay hộ sản tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.
- 6) Bảng 6. Tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất Chi nhánh AgribankTiên Lãng.
- 7) Bảng 7: Sự biến động của tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.
- 8) Bảng 8: Bảng thống kê số lượng hộ sản xuất vay tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng giai đoạn 2012-2014.
- 9) Bảng 9: Sự biến động số lượng hộ sản xuất vay vốn giai đoạn 2012-2014
- 10) Bảng 10: Số dư nợ quá hạn của hộ sản xuất tại Agribank Tiên Lãng
- 11) Bảng 11: Nợ quá hạn của hộ sản xuất phân theo nguyên nhân giai đoạn 2012-2014
- 12) Bảng 12: Sự biến động của nợ quá hạn hộ sản xuất phân theo nguyên nhân giai đoạn 2012- 2014.
- 13) Bảng 13: Nợ quá hạn phân theo thời gian giai đoạn 2012-2014
- 14) Bảng 14: Nợ quá hạn phân theo thời gian và ngành sản xuất tại Agribank Tiên Lãng
- 15) Bảng 15: Nợ quá hạn phân theo TSDB tại Agribank Tiên Lãng
- 16) Bảng 16: Vòng quay vốn tín dụng hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng
- 17) Bảng 17: Hiệu suất sử dụng vốn đối với hộ sản xuất tại chi nhánh Agribank Tiên Lãng
- 18) Biểu đồ thể hiện lợi nhuận trước dự phòng rủi ro của Chi nhánh Agribank Tiên Lãng
- 19) Biểu đồ thể hiện doanh số cho vay hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

- 20) Biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng dư nợ hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng.
- 21) Biểu đồ thể hiện tỷ trọng nợ quá hạn của hộ sản xuất tại Chi nhánh Agribank Tiên Lãng

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

1. NHNo&PTNT -Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
2. NHTM - Ngân hàng Thương mại
3. KHKT - Khoa học Kỹ thuật
4. TDNH - Tín dụng Ngân hàng
5. CNH-HĐH - Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa
6. NHNN - Ngân hàng Nhà nước
7. CN - Chi Nhánh
8. TSDB - Tài sản đảm bảo
9. CN – TTCN – XD - Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp – Xây Dựng